

TỈNH QUẢNG NAM

TỜ TẤU TỈNH THẦN QUẢNG NAM KÍNH TUÂN LỜI PHÊ BIÊN VẼ BẢN ĐỒ TIẾN TRÌNH

Bản đồ kèm theo:

Tỉnh Quảng Nam
Phủ Điện Bàn
Huyện Diên Phúc
Huyện Duy Xuyên
Huyện Hòa Vang
Phủ Thăng Bình
Huyện Lễ Dương
Huyện Quế Sơn
Huyện Hà Đông

廣南省
奠磐府
延福縣
維川縣
和榮縣
升平府
醴陽縣
桂山縣
河東縣

TỈNH QUẢNG NAM

Thành tỉnh ở địa phận xã La Qua, huyện Diên Phước. Thành xây bằng gạch, chu vi 480 trượng 6 thước, cao 1 trượng 1 thước 2 tấc. Bốn góc thành mở 4 cửa. Hào rộng 8 trượng 2 thước, sâu 1 thước 2 tấc 5 phân. Ngoài có đê đất (bao quanh hào cả bốn phía, cao 5-6 thước không đều nhau).

Tỉnh hạt¹ phía đông giáp biển lớn, phía tây giáp liền các động của người Man, phía nam giáp giới huyện Bình Sơn tỉnh Quảng Ngãi, phía bắc giáp cửa Hải Vân phủ Thừa Thiên.

Đông tây cách nhau 99 dặm. Nam bắc cách nhau 194 dặm.

Tỉnh thống hạt 2 phủ, gồm 6 huyện:

1. Phủ Điện Bàn:

-Kiêm lý: huyện Diên Phước.

-Thống hạt: 2 huyện Duy Xuyên, Hoà Vang².

2. Phủ Thăng Bình:

-Kiêm lý: huyện Lễ Dương.

-Thống hạt: 2 huyện Quế Sơn, Hà Đông.

Tỉnh có 44 tổng, gồm 1.054 xã, thôn, châu, phường, ấp, giáp, tộc.

Dân số hiện ghi trong sổ đinh: 52.686 người.

(Các hạng binh dân, xem phần ghi về hai phủ).

Ruộng đất hiện nộp thuế: 134.126 mẫu 6 sào 1 thước có lẻ.

Thuế đinh, điền, thổ cả năm nộp bằng tiền: 107.056 quan 6 tiền 17 đồng tiền.

Thuế ruộng nộp bằng thóc (tô): 85.204 hộc 19 thăng có lẻ.

Thuế vàng cả năm: 622 lạng 1 tiền; chiết nộp mỗi tiền vàng trị giá 8 quan), cộng: 49.768 quan.

Thuế lụa cả năm: 128 tấm.

Thuế sắt luyện cả năm: 8.880 cân.

Thuế bạc cả năm: 610 lạng (xã Minh Hương).

Phong tục:

Đại để hạng thân sĩ khá trọng danh dự đạo nghĩa mà hào hiệp chuộng khí tiết. Còn dân chúng, miền thượng du làm nghề đốt than đốn củi, dân ven biển thì làm nghề đánh cá và buôn bán. Còn lại thì đều làm ruộng, dệt vải, trồng cây, chuyên việc nông tang. Thợ mộc và các nghề thợ vặt thì 10 phân chỉ 1-2

¹ Tỉnh Quảng Nam: 廣南省 Xưa là đất quận Nhật Nam thời thuộc Hán, sau bị Lâm Ấp chiếm (Lâm Ấp sau là Chiêm Thành). Đời Trần (1306, đời Anh Tông), phân phía bắc Chiêm Thành 2 châu Ô và Lý đã thuộc về Đại Việt. Đời Hồ, năm Thiệu Thành 2 (1402) Hồ Hán Thương đánh vào lấy đất Chiêm Động và Cổ Lũy, đặt làm lộ Thăng Hoa 升華路 gồm 4 châu Thăng 升州, Hoa 華州, Tư 思州, Nghĩa 義州. Thời thuộc Minh đổi là phủ, cũng gồm 4 châu như cũ. Cho đến đầu đời Lê vùng này thực vẫn do Chiêm Thành chiếm giữ, Lê Thánh Tông phải đưa quân đi chiếm lại (1472), đổi đặt là Quảng Nam thừa tuyên 廣南承宣 gồm 3 phủ (Thăng Hoa 升華, Tư Nghĩa 思義, Hoài Nhân 懷仁), tương ứng với ba tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi và Bình Định ngày nay. Đời chúa Nguyễn Hoàng đặt dinh Quảng Nam (1602), lại tách huyện Điện Bàn 奠磐 (trước thuộc huyện Triệu Phong, Thuận Hoá) nâng lên cấp phủ. Đầu đời Gia Long tách hai phủ Thăng Hoa, Điện Bàn đặt làm dinh Quảng Nam, năm thứ 5 (1806) thêm hai chữ “trực lệ 直隸”, đặt thuộc Kinh sư. Năm Minh Mệnh 8 (1827), bỏ hai chữ “trực lệ”, đổi làm trấn Quảng Nam 廣南鎮, năm thứ 13 (1832) chia đặt tỉnh hạt, đổi là tỉnh Quảng Nam 廣南省. Nay là đất tỉnh Quảng Nam và thành phố Đà Nẵng.

²Ngv. ở đây chép nhầm là Vinh Hoà, ở dưới chép đúng là Hoà Vinh (Vang).

phần ở lại làm nghề tại quê quán mà thôi. Phong tục tiết kiệm, phần nhiều đều ở thôn quê, sống đơn giản và ít học. Còn như việc cưới xin, tang ma, cúng tế, hội họp ăn uống thì theo phong tục chung còn giữ được nghi lễ. Cả 6 huyện đại để đều như thế.

Sản vật:

Sản vật thường có chỉ là ngũ cốc, dâu, bông, rau quả, tôm cá. Ngoài ra, Hà Đông có vàng cát, Diên Phước có đá cẩm thạch, Hoà Vang có yến sào (tổ yến), mật ong. Hà Đông có chim công, vò quế. Nam Trân¹ sản ở Quế Sơn, Duy Xuyên. Xoài sản ở Hoà Vang, Diên Phước. Các thứ khác như sáp ong, tốc hương, sa nhân, thuốc lá, the lụa, vải dày, cùng là đồ sành gốm, đồ sắt, đá ong, vò trai, đường cát, cây trám, than gỗ, vò đay, dầu nước, dầu hoả, muối thô, mật thô, chiếu hoa, chiếu trắng, mây, song, thì trong tỉnh có làm nghề và có sản phẩm, nhưng trong 6 huyện thì huyện có huyện không, nơi nhiều nơi ít không giống nhau.

Khí hậu:

Giống khí hậu tỉnh Thừa Thiên. Duy mùa hè thì nóng hơn, mùa đông thì ít rét hơn. Các tháng 9, 10 thì có gió bão.

Núi sông:

Trong tỉnh nhiều núi, nêu những núi có tên thì huyện Hoà Vang có núi Hải Vân, núi Định Hải, núi Thạch Lĩnh, núi Ngự Đảo. Huyện Diên Phước có núi Ngũ Hành, núi Trà Sơn. Huyện Duy Xuyên, huyện Quế Sơn có núi Tào Sơn. Huyện Hà Đông có núi Chủ Sơn.

Sông lớn có:

- Huyện Hoà Vang có sông Cu Đê.
- Huyện Diên Phước có sông Cẩm Lệ, sông Vĩnh Điện, sông Sài Giang.
- Huyện Quế Sơn có sông Dưỡng Chân.
- Huyện Hà Đông có sông Tam Kỳ, sông An Tân (tục gọi là bến sông Ván).
- Huyện Duy Xuyên có sông Bàn Thạch, sông Trà Nhiều.

Danh thắng:

- Núi Ngũ Hành (xem ở bản đồ huyện Diên Phước).

Đường đi:

-Một đường bộ phía bắc từ cửa ải đèo Hải Vân đi về phía nam giáp giới huyện Bình Sơn tỉnh Quảng Ngãi, cách 194 dặm.

-Một đường biển phía bắc từ cửa Hải Vân đi về phía nam đến giáp trấn Thới Càn tỉnh Quảng Ngãi, thuyền xuôi gió đi khoảng 2 ngày.

¹ Nam Trân 南珍: Tục gọi là quả lòn bon, quả trắng vị ngọt và thơm, có lệ cúng để triều đình dùng việc tế tự, được vua Minh Mệnh đặt tên chữ Hán là quả Nam Trân (thức quý ở phương Nam).

PHỦ ĐIỆN BÀN

Phủ hạt ở về phía tây thành tỉnh. Phủ kiêm lý huyện Diên Phước, thống hạt 2 huyện Duy Xuyên, Hoà Vang.

Huyện lỵ đặt ở địa phận xã Cầu Nhi, tổng An Nhân Trung huyện Diên Phước. Phủ đường lợp ngói (3 gian 2 chái), xung quanh trồng rào tre, mở một cửa trước.

Phủ hạt¹ phía đông giáp bờ biển (địa phận tổng Thanh Châu huyện Hoà Vang), phía tây giáp liền các động miền sơn Man, phía nam giáp thôn Tân Mỹ Đông huyện Duy Xuyên (giáp giới Quế Sơn)², phía bắc giáp cửa ải Hải Vân (địa phận huyện Hoà Vang).

Đông tây cách nhau 99 dặm. Nam bắc cách nhau 75 dặm.

Phủ kiêm lý **huyện Diên Phước**, 10 tổng:

- | | | | |
|-----------------|---------------------|----------------|-----------------|
| 1. Tổng Phú Mỹ | 2. Tổng Mỹ Hoà | 3. Tổng Đa Hoà | 4. Tổng Đại An |
| 5. Tổng An Thới | 6. Tổng Phú Triêm | 7. Tổng An Lưu | 8. Tổng An Nhơn |
| 9. Tổng Hạ Nông | 10. Tổng Thanh Quất | | |

Phủ thống hạt 2 huyện Duy Xuyên, Hoà Vang, gồm 16 tổng, trong đó 1 tổng không có đất:

Huyện Duy Xuyên, 9 tổng:

- | | | | |
|----------------|------------------|----------------|-----------------|
| 1. Tổng An Lễ | 2. Tổng Đông An | 3. Tổng Phú Mỹ | 4. Tổng Mậu Hoà |
| 5. Tổng An Lạc | 6. Tổng Thuận An | 7. Tổng Mỹ Khê | 8. Tổng Tân An |
| 9. Tổng Hoà Mỹ | | | |

Huyện Hoà Vang, 7 tổng:

- | | | | |
|-------------------|---------------------|--------------------------------|-----------------|
| 1. Tổng Bình Thới | 2. Tổng Phước Tường | 3. Tổng Đức Hoà | 4. Tổng An Châu |
| 5. Tổng Hoà An | 6. Tổng Thanh Châu | 7. Tổng Phú Khê (không có đất) | |

Phủ có 3 huyện, gồm 26 tổng, 532 xã, thôn, châu, phường, ấp.

Dân số hiện ghi trong sổ: 24.807 người.

Trong đó:

-Chức sắc, thí sai, miễn sai các hạng: 6.831 người. Trong đó:

Lính tuyển: 4.264 người.

Thợ tuyển: 92 người.

Miễn đao dịch: 1.047 người.

-Nhân số:

Hạng chính nạp: 16.413 người.

Hạng biệt nạp: 502 người.

-Lê hậu³: 14 người.

¹ Phủ Điện Bàn 奠磐府: Do Nguyễn Hoàng lập năm 1602: tách huyện Điện Bàn trước thuộc huyện Triệu Phong trấn Thuận Hoá nâng lên cấp phủ, gồm 5 huyện: Diên Phúc (đương thời vẫn đọc là Phúc, chỉ từ đời Tự Đức về sau mới đọc chệch Phúc thành Phước), An Nông, Hoà Vang, Diên Khánh, Phú Xuyên. Về sau qua nhiều lần điều chỉnh địa giới giữa hai phủ Thăng Hoa và Điện Bàn, đến đời Minh Mệnh (1830) phủ Điện Bàn chỉ gồm 2 huyện Diên Phúc và Hoà Vang. Năm Minh Mệnh 17 (1836) tách huyện Duy Xuyên (trước thuộc phủ Thăng Hoa) nhập vào phủ Điện Bàn. Năm Thành Thái 1 (1889), cho đến đời Đồng Khánh không thay đổi. Năm 1945 bỏ cấp phủ, đổi làm huyện Điện Bàn. Nay là đất các huyện Điện Bàn, Hoà Vang tỉnh Quảng Nam.

² Câu này trong nguyên văn trình bày không được rõ, vì huyện Duy Xuyên là thuộc phủ Điện Bàn, đúng ra là: phía nam giáp huyện Quế Sơn (phủ Thăng Bình) ở địa phận thôn Tân Mỹ Đông huyện Duy Xuyên.

³ Ngv. Lê hậu 黎後: nghĩa là con cháu dòng họ vua Lê. Trong ĐKĐD chỉ có tỉnh Bình Định có ghi các nhân

Ruộng đất hiện nộp thuế: 67.170 mẫu 4 sào 10 thước 5 tấc 6 phân 1 ly.

Thuế đình điền cả năm nộp bằng tiền: 59.584 quan 7 tiền 4 đồng tiền.

Thuế ruộng cả năm nộp bằng thóc (tò): 36.909 hộc 5 thung 36 vốc 1 nắm.

Thuế bạc cả năm: 610 lạng (xã Minh Hương).

Thuế lụa cả năm: 128 tấm 8 thước.

Phong tục:

Người dân phần nhiều thanh tú, hào hiệp, chuộng khí tiết. Kể sĩ chuyên cần học nghiệp, dân chúng chăm việc nông tang, ăn mặc đồ dùng phần nhiều đều giản dị tiết kiệm. Cho đến các lễ Nguyên đán, Đoan dương, xuân thu cúng tế, tảo mộ cuối năm, điều tang mừng cưới đều tùy theo hoàn cảnh từng nhà, không quá lãng phí. Phong tục cũng giống như ở phủ Thừa Thiên.

Sản vật:

Trong phủ hạt ruộng đất cằn cỗi bạc màu, lúa má thu hoạch kém, rải rác có những nơi dân sinh sống bằng nghề trồng dâu nuôi tằm. Sản phẩm có quả xoài ở hai huyện Diên Phước, Hoà Vang. Nam trân sản ở Duy Xuyên. Yến sào, mây nước sản ở huyện Hoà Vang. Đường cát, vải trắng, vôi trắng, đồ gốm, đá cẩm thạch, vải trụ sản xuất ở Diên Phước. Hoà Vang có cua đá. Gỗ tạp, mật, than, thuốc lá thì cả 3 huyện đều có. Còn như mật ong, sáp ong, trầm hương, chim công, ngà voi, song, mây trắng¹ sản ở các nguồn Cu Đê, Lỗ Đông, Ô Da. Ngoài ra không có gì khác.

Khí hậu:

Khí trời ẩm nóng, nắng nhiều, râm ít. Mùa xuân, mùa hè có gió đông nam, nhiều khí nóng. Mùa thu, mùa đông gió tây bắc, nhiều mưa lụt. Thời vụ nhà nông thì ruộng vụ hè tháng 10 xuống cấy, tháng 3 thu hoạch. Ruộng vụ thu tháng 4 xuống cấy, tháng 8 thu hoạch. Vụ lúa sớm tháng 5 gieo hạt, tháng 10 thu hoạch. Mỗi nơi đều tùy theo ruộng cao hay thấp mà làm vụ sớm hoặc muộn.

Danh thắng:

-Núi Ngũ Hành: ở địa phận hai xã Hoá Khê, Quán Khái Đông² huyện Diên Phước. Giữa bãi cát bằng nổi lên 6 ngọn núi từ chân núi đến đỉnh núi toàn là đá, chu vi khoảng 10 dặm. Sông dài bao quanh phía tây, biển lớn bao bọc phía đông. Một ngọn cao sừng sững nhấp nhô, gọi là núi Tam Thai. Trong núi có động, trong động có chùa. Cảnh vật yên tĩnh rỗng sáng, xa trông một màu xanh thẫm. Hai bên vách động như đá giở nước trong vắt. Năm Minh Mệnh 18 (1837) vua ban tên mới cho ngọn Tam Thai là núi Thủy Sơn, ngọn phía nam là núi Mộc Sơn; hai ngọn phía tây là núi Dương Hoả và núi Âm Hoả; một ngọn phía tây bắc là núi Kim Sơn; một ngọn phía bắc là núi Thổ Sơn, có lẽ đều lấy hình tượng mà đặt tên, tất cả đều cho khắc tên vào đá núi. Núi Ngũ Hành cùng với núi Trà Sơn đều là danh thắng trong bản tỉnh. Các núi khác xem kỹ ở phần ghi về huyện Hoà Vang.

Sông lớn: có 4 sông lớn.

-Một dòng sông từ nguồn Cu Đê huyện Hoà Vang chảy ra cửa biển Cu Đê.

-Một dòng sông từ nguồn Lỗ Đông huyện Hoà Vang chảy ra cửa biển Đà Nẵng.

-Một dòng sông lớn từ nguồn Ô Da huyện Hoà Vang.

-Một dòng sông lớn từ nguồn Thu Bồn huyện Quế Sơn. Sông này và sông kê trên chảy xuống đến thôn Giao Thủy huyện Diên Phước thì hợp dòng, rồi lại chia dòng:

♦ Một nhánh từ thôn Lệ Trạch huyện Duy Xuyên chảy xuống.

khẩu thuộc diện Lê hậu (con cháu nhà Lê). Hiện chưa biết rõ nội dung cụ thể của lệ miễn thuế cho các đình khẩu thuộc diện Lê hậu như thế nào.

¹ Thiết đăng: "Thiết đăng mây trắng để khi" (CNNÂ, Căn đăng loại).

² Quán Khái Đông tức giáp Đông xã Quán Khái (huyện Diên Phước). Chữ Quán 灌, ngv. chép nhầm ra chữ La 羅.

- ♦ Một nhánh từ thôn Mỹ Hoà chảy xuống, cả hai nhánh chảy xuống đến giáp Đông châu Đông An huyện Diên Phước thì hợp dòng, chảy ra cửa biển Đại Chiêm.
- ♦ Một nhánh từ xã Trà Kiệu huyện Duy Xuyên chảy xuống, qua địa giới huyện Quế Sơn chảy ra cửa biển Đại Chiêm.
- ♦ Lại một nhánh từ thôn Bình Long chảy xuống, đến thôn Tam Giáp cùng hợp lưu với sông Vĩnh Điện.
- ♦ Một nhánh từ địa phận xã Cầu Nhi chảy xuống, đều chảy ra cửa tán Đà Nẵng.

Đường đi:

- Một đường quan báo phía nam từ thôn Tân Mỹ Đông huyện Duy Xuyên, đến phía bắc giáp cửa Hải Vân huyện Hoà Vang, dài 28 dặm 19 trượng, rộng 1 trượng.

- Một đường nhỏ từ phủ lỵ đi về phía tây đến giáp Man Động ở nguồn Lỗ Đông, dài 74 dặm, rộng 3 thước.

- Một đường nhỏ từ phủ lỵ đi về phía đông đến giáp bờ biển địa phận tổng Thanh Châu huyện Hoà Vang, dài 25 dặm.

[Trong phủ hạt có]:

- Thành tỉnh.

- Miếu Văn thánh, miếu Hội đồng, miếu Thành hoàng, đàn Xã tắc, đàn Tiên Nông, nhà Học đường của tỉnh.

Ở cửa tán Đà Nẵng có: đôn Điện Hải, đôn An Hải, đôn Mỹ Thị, đôn Thuỷ Hạn, đôn Dược Thương.

Ở cửa tán Đại Chiêm có: đôn Phước Trạch.

Các nguồn: 3 nguồn Ô Da, Lỗ Đông, Cu Đê.

Các dịch trạm: 4 trạm Nam Phước, Nam Giản, Nam Ổ, Nam Chân.

HUYỆN DIÊN PHƯỚC

Huyện Diên Phước do phủ Điện Bàn kiêm lý.

Huyện hạt¹ phía đông giáp bờ biển, phía tây giáp vùng núi liên tiếp ở các Man động, phía nam giáp địa phận hai huyện Quế Sơn và Duy Xuyên; phía bắc giáp địa phận huyện Hoà Vang.

Đông tây cách nhau 99 dặm. Nam bắc cách nhau 28 dặm.

1-Tổng Đại An Thượng, 29 thôn, châu:

- | | | | |
|-----------------------|------------------------|-----------------------|------------------------|
| 1. Châu Đại An | 2. Châu Hà Trưng | 3. Châu Mỹ Trạch | 4. Châu An Định |
| 5. Châu Hà Nhai | 6. Châu Phước Lộc | 7. Châu Đại Phước An | 8. Châu Đông Lâm |
| 9. Châu Hoà Mỹ Đông | 10. Châu Hoà Mỹ Tân | 11. Châu Lam Thuỷ Tây | 12. Châu Lỗ Hương Tây |
| 13. Châu Hà Dục Đông | 14. Châu Tĩnh An Tây | 15. Châu Tĩnh An Đông | 16. Châu Hà Dục Tây |
| 17. Châu Vĩnh Phước | 18. Châu Bào Bàng Tân | 19. Thôn Bình Cư | 20. Châu Lam Thuỷ Đông |
| 21. Châu Bào Bàng Tây | 22. Thôn Hà Vi | 23. Châu Hoà Mỹ Trung | |
| 24. Thôn Trường An | 25. Châu Đại Phước Lộc | 26. Châu Thừa Bình | 27. Châu Hà Dục Trung |
| 28. Châu Lỗ Hương Thị | 29. Châu Lỗ Hương Đông | | |

¹ Huyện Diên Phước: 延福縣 Thời chúa Nguyễn Hoàng là huyện Diên Khánh 延慶 thuộc phủ Điện Bàn. Năm Minh Mệnh 3 (1822) nhập với huyện Diên Phúc, lấy tên chung là huyện Diên Phúc thuộc phủ Điện Bàn. (Phủ Điện Bàn năm 1836 gồm thêm huyện Duy Xuyên; sau đời Đồng Khánh gồm thêm huyện Đại Lộc). Nay là huyện Điện Bàn tỉnh Quảng Nam.

2-Tổng Mỹ Hòa Trung, 28 thôn, châu, phường:

- | | | |
|-----------------------|--------------------------|------------------------|
| 1.Thôn Mỹ Hoà | 2.Châu Giáo Ái Đông Giáp | 3.Châu Thuý La |
| 4.Thôn Thi Lân | 5.Thôn Thượng Phước | 6.Thôn Quảng Hoá Phú |
| 7.Thôn Đa Hoà | 8.Thôn Bào Luân Tây | 9.Châu Bào Luân |
| 10.Châu Quảng Hoá An | 11.Châu Quảng Hoá Trung | 12.Châu Giáo Ái Trung |
| 13.Thôn Quảng Hoá Tây | 14.Châu Quảng Hoá Đại An | 15.Châu Quảng Hoá Đông |
| 16.Châu Quảng Hoá Đại | 17.Châu Bào Nghi Tây | 18.Châu Ái Mỹ Đông |
| 19.Thôn Bào Nghi Đông | 20.Châu Bình An | 21.Châu Thạch Bộ |
| 22.Thôn Hoà Mỹ | 23.Châu Ái Mỹ Tây | 24.Châu Giáo Ái Tây |
| 25.Thôn Giáo An | 26.Thôn Giao Thuỷ | 27.Châu Phiếm Ái |
| 28.Châu Bảo Sơn | | |

3-Tổng Hạ Nông Trung, 20 xã, thôn, phường¹:

- | | | | |
|-------------------------------|---------------|--------------------------------|------------------------------|
| 1.Xã Hạ Nông | 2.Xã Uất Lũy | 3.Xã La Qua | 4.Xã Đông Hồ |
| 5.Thôn Nhất Giáp xã Khả Phong | 6.Xã Khúc Lũy | 7.Thôn Lục Giáp xã Chu Phong | 8.Xã Liên Trì |
| 9.Thôn Tam Giáp xã Châu Bảo | 10.Xã Bằng An | 11.Thôn Nhị Giáp xã Khả Phong | 12.Thôn Tứ Giáp xã Trần Châu |
| 13.Xã La Thọ | 14.Xã La Đãng | 15.Thôn La Nang | 16.Xã Đông Minh |
| 17.Xã Cư Chính | 18.Thôn Ái Mỹ | 19.Phường An Tây xã Xuân Xương | |

4-Tổng An Thới Thượng, 24 xã, thôn:

- | | | | |
|-----------------|------------------|----------------|--------------------|
| 1.Xã Diệm Sơn | 2.Xã Cẩm Nê | 3.Xã An Thới | 4.Xã Thạch Bô |
| 5.Xã Gián Đông | 6.Xã Hà Thanh | 7.Xã Bích Trâm | 8.Xã Cẩm Đãng |
| 9.Xã La Bông | 10.Xã An Trạch | 11.Xã Thuỷ Bô | 12.Xã Yên Nê |
| 13.Xã Xuân Sơn | 14.Xã Bình Phước | 15.Xã Lệ Sơn | 16.Xã Châu Bí |
| 17.Xã Lạc Thành | 18.Xã Giáng La | 19.Xã Cẩm Sơn | 20.Thôn Xuân Phong |
| 21.Xã Đức Ký | 22.Xã Nông Sơn | 23.Xã Châu Lâu | 24.Xã Cẩm Sơn Đông |

5-Tổng Phú Khương Thượng, 25 châu, thôn, giáp:

- | | | | |
|---------------------------|-------------------------|-----------------------|------------------|
| 1.Thôn Phú Khương | 2.Thôn Nam An Đông | 3.Thôn Trường Lộc | |
| 4.Phường Đại An Đông An | 5.Châu Phi Phú Tây | 6.Châu Doanh Trận Tây | |
| 7.Thôn Đông Giáp | 8.Châu An Trường | 9.Thôn Thạnh Mỹ | 10.Thôn Phú Quý |
| 11.Châu Thăng Bình | 12.Châu Hoá Mộc | 13.Thôn Đông Phú | 14.Châu Long Hội |
| 15.Châu Ân Phú | 16.Thôn Ngọc Sa | 17.Châu Hà Mật | |
| 18.Giáp Đông châu Đông An | 19.Thôn Hội Thành | 20.Thôn Đông Mỹ | |
| 21.Châu Xuân Đài | 22.Châu Phiên Lĩnh Đông | 23.Thôn An Tế | |
| 24.Thôn Đông Thành | 25.Châu Doanh Trận Đông | | |

6-Tổng An Nhơn Trung, 18 xã, thôn, phường, giáp:

- | | | | |
|---------------------------|-------------------------|----------------------------|------------------|
| 1.Xã An Nhơn | 2.Xã Bì Nhai | 3.Xã Thi Lai | 4.Xã Cầu Nhi |
| 5.Phường Xuân Mỹ | 6.Phường Phú Châu | 7.Xã Thanh Long | 8.Xã Thanh Chiêm |
| 9.Xã Cẩm Lậu | 10.Phường Bình An Quyển | 11.Thôn Phương Trà | |
| 12.Thôn An Nghiệp | 13.Xã Văn Đông | 14.Xã An Quán | |
| 15.Giáp Tây xã Phú Triêm | 16.Thôn Phước Kiều | 17.Giáp Trung xã Phú Triêm | |
| 18.Giáp Đông xã Phú Triêm | | | |

¹ Số đúng theo kê ở dưới là 19 đơn vị.

7-Tổng An Lưu Hạ, 17 xã, thôn, phường:

- | | | | |
|-------------------------|-----------------------|--------------------|-----------------|
| 1.Xã An Lưu | 2.Xã Lỗ Giản | 3.Xã Quảng Lăng | 4.Xã Cổ Lưu |
| 5.Thôn Tân An | 6.Xã Nam Thọ | 7.Xã Thị An | |
| 8.Giáp Tây xã Quán Khái | | 9.Xã Hoá Khuê Đông | 10.Xã Bách Giản |
| 11.Xã Cổ Mân | 12.Xã Hải Châu Lâm An | | 13.Xã Tân An |
| 14.Xã An Nông | 15.Xã Trường Phước | 16.Xã Mỹ Thị | 17.Xã An Hải |

8-Tổng Phú Triêm Hạ, 19 xã, thôn:

- | | | | |
|-------------------------|------------------|---------------------------|---------------|
| 1.Xã Hoà An | 2.Xã Lai Nghi | 3.Xã Sơn Phô | 4.Xã Thanh Hà |
| 5.Xã Hà Lộc | 6.Xã Hà Mi | 7.Xã Cẩm Phô | 8.Xã Hội An |
| 9.Giáp Đông xã Viêm Chí | | 10.Xã Gia Lộc | 11.Xã An Thọ |
| 12.Thôn Trà Lộ | 13.Thôn Trà Khê | 14.Giáp Đông xã Quán Khái | |
| 15.Xã Phong Hộ | 16.Xã Minh Hương | 17.Thôn Hải Châu | 18.Xã Hà Bả |
| 19.Xã An Mỹ | | | |

9-Tổng Đa Hoà Thượng, 22 xã, thôn, phường:

- | | | | |
|--------------------------|---------------------|------------------------------|----------------------|
| 1.Xã Đa Hoà | 2.Xã Phong Thử | 3.Xã Giáo Ái | 4.Ấp Đông xã Tư Phú |
| 5.Thôn Đài La xã Bất Nhị | | 6.Thôn Trị Giáo | 7.Xã Đông Phiên |
| 8.Xã Kỳ Lam | 9.Xã Trừng Giang | 10.Thôn Bình Long xã Bất Nhị | |
| 11.Thôn Văn Ly | 12.Xã Phiên Lĩnh | 12.Thôn Lư Ngư | 14.Phường Phiên Lĩnh |
| 15.Xã Thạch Bộ | 16.Ấp Tây xã Tư Phú | 17.Xã Bảo An Đông | 18.Phường Miêu Nha |
| 19.Xã Thuý La | 20.Thôn Ngọc Trâm | 21.Thôn Đan Điền xã Bất Nhị | |
| 22.Xã Bảo An Tây | | | |

10-Tổng Thanh Quất Trung, 26 xã, thôn, ấp:

- | | | | |
|--------------------------|------------------------|------------------|------------------|
| 1.Xã Thanh Quất | 2.Xã Quảng Hậu | 3.Xã Bình Ninh | 4.Xã Phong Hồ |
| 5.Xã Cẩm Sa | 6.Giáp Tây xã Viêm Chí | | 7.Xã Ngân Giang |
| 8.Xã Ngân Hà | 9.Xã Ngân Cầu | 10.Xã Tứ Cầu | |
| 11.Giáp Đông xã Viêm Chí | | 12.Thôn Tân Hạnh | 13.Xã Bồ Mung |
| 14.Xã Thanh Tú | 15.Xã An Tự | 16.Xã Nhơn Thọ | 17.Xã Phong Lệ |
| 18.Xã Tùng Lâm | 19.Xã Quá Giản | 20.Xã Miêu Bông | 21.Xã Minh Châu |
| 22.Xã Dương Sơn Trung An | | 23.Xã Cẩm Lệ | 24.Xã Quang Hiện |
| 25.Xã Mân Quan | 26.Xã Phi Bình | | |

Dân số hiện ghi trong sổ đình: 13.274 người. Trong đó:

-Chức sắc, thí sai, miễn sai các hạng: 3.382 người.

Lính tuyển: 2.111 người.

Miễn đao dịch: 704 người.

-Nhân số:

Hạng chính nạp: 8.748 người.

Hạng biệt nạp: 437 người (các hộ the lựa và xã Minh Hương).

Lê hậu: 3 người.

Ruộng đất hiện nộp thuế: 33.156 mẫu 7 sào 13 thước 3 phân 3 ly. Trong đó:

-Ruộng: 23.769 mẫu 9 sào 8 thước có lẻ.

-Đất: 9.386 mẫu 8 sào 4 thước có lẻ.

Thuế cả năm nộp bằng tiền: 30.389 quan 28 đồng tiền.

-Thuế ruộng đất: 17.546 quan 28 đồng tiền.

-Thuế đình: 12.843 quan.

Thuế ruộng cả năm nộp bằng thóc (tò): 19.191 hộc 13 thưng 9 vốc 6 nắm 1 nhúm.

Thuế bạc cả năm: 610 lạng (xã Minh Hương biệt nạp).

Thuế lụa cả năm: 128 tấm 8 thước (do hộ the lụa biệt nạp).

Phong tục:

Dân trong huyện phân nhiều thanh tú hào hiệp, chuộng khí tiết. Kể sĩ chuyên cần học nghiệp, dân chúng chăm việc nông tang, ăn mặc đồ dùng phân nhiều đều giản dị tiết kiệm. Cho đến các lễ Nguyên đán, Đoan dương, xuân thu cúng tế, tảo mộ cuối năm, điều tang mừng cưới đều tùy theo hoàn cảnh từng nhà, không quá lãng phí. Phong tục cũng giống như ở phủ Thừa Thiên.

Sản vật:

Các tổng trong bản huyện sát biển ven núi, ruộng đất cằn cỗi bạc màu, lúa má thu hoạch kém. Rải rác có nơi trồng dâu, nuôi tằm, trồng khoai, đậu, dưa, ngô. Duy về sản vật thì xã Phong Lệ có xoài; các xã thôn Ngọc Sa, Đông Phước, Trường Lộc, Phú Khương, Đông Giáp dẹt nhiều lụa. Thanh Quát, La Thọ dẹt vải trắng. Thăng Bình dẹt lụa dày. Tư Phú, Kỳ Lam, Bảo An, Đông Phan làm đường cát. Lạc Thành, Chu Bí, Phùng La, Đông Hồ thì có mật thô. Nhân Thọ, Miêu Bông, Quá Giản có dâu nước. Cẩm Nê, Yên Nê, An Trạch có than gỗ. Thanh Hà làm đồ gốm. Hoà An, Xuân Mỹ có vôi trắng. Quán Khái có đá cẩm thạch. Cẩm Lệ có thuốc lá.

Khí hậu:

Khí trời ấm nóng, bầu trời trong xanh, nắng nhiều, ít u ám. Mùa xuân, mùa hè có gió đông nam, nhiều khí nóng. Mùa thu, mùa đông có gió đông bắc, nhiều mưa lũ. Về thời vụ của nhà nông thì ruộng vụ hè tháng 10 xuống cấy, tháng 3 thu hoạch. Ruộng vụ thu thì tháng 4 xuống cấy, tháng 8 thu hoạch. Vụ lúa sớm thì tháng 5 gieo hạt, tháng 10 thu hoạch. Mỗi nơi đều tùy theo ruộng cao hay thấp mà làm vụ sớm hoặc muộn.

Sông núi:

-Núi Trà Sơn: ở địa phận các xã Mân Quan, Nam Thọ, Tân An. Núi mọc giữa vùng đất bằng, cao lớn nguy nga, mây mưa nổi lên ở đây, là ngọn núi trấn giữ phía ngoài cửa biển Đà Nẵng, các nước đều biết tiếng.

-Một dòng sông lớn bắt nguồn từ nguồn Thu Bồn ở huyện Quế Sơn và nguồn Ô Da huyện Hoà Vang rồi hợp dòng, chảy qua Thi Lâm, Phiếm Ái đến châu Quảng Hoá (giáp xã Văn Ly), rồi chia nhánh:

- Một nhánh từ Văn Ly chảy về phía nam qua các xã Phú Quý, Đông Mỹ, Đông Thành, Phi Phú, Ân Phú, Đông Thiên, Cẩm Lậu, Thi Lai, Hà Mật, An Trường.
- Một nhánh từ Văn Ly chảy về phía bắc qua các xã Thủy La, Tư Phú, Phong Thử, Ngọc Trâm, An Tế, Kỳ Lam, Bát Nhị, Bằng An, Câu Nhi, Thăng Bình, Đông An, rồi hợp dòng thành sông Sài Giang. Phía nam giáp các xã Mỹ Xuyên, Câu Lậu, Thượng Bình huyện Duy Xuyên. Phía bắc giáp các xã Thanh Triêm, An Nhơn, Văn Đông, Phú Triêm, Thanh Hà, Cẩm Phô, Minh Hương, Sơn Phô, An Mỹ thuộc phủ hạt, và Đẻ Cương, Phúc Đàm đến cửa tấp Đại Chiêm thuộc huyện Hoà Vang. Phía đông là bến đò An Hoàn. Thủy triều lên nước sâu khoảng hơn 7 thước, triều xuống sâu khoảng 3 thước 4 tác có lẽ không đều nhau, rộng khoảng 25 trượng.

-Một dòng sông lớn bắt nguồn từ nguồn Lỗ Đông, một nhánh chảy vào Thủy Loan, Bồ Bản (nay vẫn thông dòng) huyện Hoà Vang, một nhánh chảy qua Phiếm Ái, Bào Luân, Quảng Hoá, Phú Sơn, La Châu, Diệm Sơn thuộc phủ hạt (hiện nay bị cát lấp tắc), rồi chảy đến An Trạch, Thạch Bồ, hợp dòng chảy qua các xã Yên Nê, Cẩm Nê, Phong Lệ, Cẩm Lệ, Nại Hiên, Hoá Khuê hợp lưu với sông Vĩnh Điện, chảy ra vũng Trà Sơn ở bến đò ngang Cẩm Lệ. Thủy triều lên sâu khoảng hơn 4 thước, triều xuống sâu khoảng hơn 3 thước, rộng khoảng hơn 30 trượng.

-Sông Vĩnh Điện: Trong niên hiệu Minh Mệnh (1820-1840)¹ vâng sắc chỉ của vua cho khơi đào từ xã Cầu Nhi (giáp cửa sông lớn), Bằng An, qua La Qua, Uất Lũy, Tam Giáp, Quảng Hậu, Phong Hồ, Cẩm Sa, Ngân Giang, Ngân Cầu, Ngân Hà, Tứ Cầu, Thị An, Quán Khái, Mãn Quan, Bách Giản, Tùng Lâm, Hoá Khuê rồi hợp dòng với sông Cẩm Lệ.

Danh thắng:

-Núi Ngũ Hành: ở tại 2 xã Hoá Khuê và Quán Khái Đông. Giữa bãi cát bằng phẳng đột khởi sáu ngọn núi đá chu vi hơn 10 dặm. Sông dài bao quanh phía tây, biển lớn ôm bọc phía đông. Ngọn phía đông sừng sững nhấp nhô là núi Tam Thai. Trong ngọn núi này có động, trong động có chùa. Cảnh vật tịch tĩnh rỗng sáng, trông xa một màu xanh thẫm. Bên vách động có nhũ đá nhỏ nước từng giọt trong vắt. Đời Minh Mệnh được vua ban tên núi Tam Thai là núi Thủy Sơn, ngọn phía nam là núi Mộc Sơn, hai ngọn phía tây là núi Dương Hoả và núi Âm Hoả, ngọn phía tây bắc là núi Kim Sơn, ngọn phía bắc là núi Thổ Sơn. Tất cả đều lấy hình tượng mà đặt tên, mỗi núi đều được khắc chữ vào vách đá. Đây là một nơi danh thắng của tỉnh Quảng Nam.

Đường đi:

-Một đường quan báo phía nam giáp bến đò ngang sông Sài² ở giáp Đông châu Đông An tổng Phú Khương Thượng, phía bắc giáp bến đò ngang xã Cẩm Lệ tổng Thanh Quát Trung, dài 28 dặm, đi bộ khoảng nửa ngày.

-Một đường nhỏ phía đông từ xã An Mỹ tổng Phú Triêm Hạ giáp cửa tán xã Phước Trạch huyện Hoà Vang; phía tây đến giáp địa phận hai huyện Hoà Vang, Duy Xuyên, dài 93 dặm. Đi bộ khoảng 1 ngày rưỡi, đi thuyền từ bến đò sông Sài đến vũng Trà Sơn khoảng 1 ngày; từ giang phận xã An Mỹ đến thôn An Đầm hết khoảng 2 ngày rưỡi đường thủy.

Trong huyện hạt có:

-Thành tỉnh.

-Các miếu: Văn thánh, Hội đồng, Thành hoàng.

-Các đàn: Xã tắc, Sơn xuyên, Tịch điền.

-Các đồn: An Hải, Mỹ Thị.

-Nhà Học đường của tỉnh.

-Các trạm: Ô Da (thuế từ đất Man do huyện Hoà Vang thu), Nam Giản.

¹ Theo ĐNNTC, sông Vĩnh Điện do cai bạ Lê Đại Cương vâng mệnh cho khơi đào năm Minh Mệnh 3 (1822); năm thứ 4 (1823) vua lại sai thống chế Trương Văn Minh tu chỉnh. Năm Minh Mệnh 17 (1836) được khắc hình tượng vào Dụ đỉnh.

² Sài Giang, sài nghĩa là củi, thường gọi là sông Chợ Củi.

HUYỆN DUY XUYỀN

Huyện Duy Xuyên do phủ Điện Bàn thống hạt. Huyện lỵ đặt ở thôn Phụng Châu Tây tổng Mỹ Khê, trên khoảnh đất trồng dâu rộng 5 sào, chính giữa dựng sảnh đường lợp tranh, xung quanh trồng rào tre, mở một cửa trước.

Huyện hạt¹ phía nam giáp giới huyện Quế Sơn, phía bắc giáp giới huyện Diên Phước, phía đông giáp bờ biển, phía tây giáp sơn phận xã Hội Khách thuộc bản huyện.

Nam bắc cách nhau 8 dặm 73 trượng. Đông tây cách nhau hơn 77 dặm.

Huyện có 9 tổng, gồm 162 xã, thôn, châu, phường, ấp, giáp:

1-Tổng Mỹ Khê, 19 xã, thôn, châu, giáp:

- | | | | |
|----------------------------|---------------------|-----------------------------|--------------------|
| 1.Thôn Mỹ Khê Tân | 2.Thôn Mỹ Khê Cựu | 3.Xã Long Phước | 4.Châu Hạc Toán |
| 5.Châu Hoà Duân | 6.Thôn Mỹ Long | 7.Châu Nhân Bồi | |
| 8.Thôn Phụng Châu Tây | | 9.Thôn Phụng Châu Đông | |
| 10.Thôn Phú Ninh | 11.Thôn Vĩnh Lại | 12.Giáp Đông châu Trà Nhiều | |
| 13.Châu Hà Nhuận | 14.Thôn Tân Mỹ Đông | 15.Thôn Tân Mỹ Nam | 16.Thôn Tân Mỹ Tây |
| 17.Giáp Đông châu Kim Bồng | | 18.Giáp Trung châu Kim Bồng | |
| 19.Giáp Nam châu Trà Nhiều | | | |

2-Tổng Mậu Hoà Trung, 30 xã, thôn, phường:

- | | | | |
|------------------------|--------------------|--------------------------|-------------------|
| 1.Xã Mậu Hoà | 2.Xã Chiêm Sơn | 3.Giáp Đông xã Mỹ Xuyên | |
| 4.Giáp Tây xã Mỹ Xuyên | | 5.Pường Cầu Quảng Thượng | |
| 6.Xã Phú Sơn Chính | 7.Xã La Tháp Tây | 8.Xã Hương Sơn | 9.Xã Phú Lạc |
| 10.Xã Phú Nham Đông | 11.Xã Phú Nham Tây | 12.Pường Phú Thiện | 13.Xã Phú Lộc |
| 14.Xã Mỹ Lộc | 15.Thôn Long Châu | 16.Thôn Đông Lân | 17.Xã Văn Quật |
| 18.Xã Trà Kiệu | 19.Xã Tân Phong | 20.Xã An Thành | 21.Pường Gia Tĩnh |
| 22.Xã Thạch Bàn | 23.Xã Lang Châu | 24.Xã Thu Bồn | 25.Xã Cầu Lậu |
| 26.Xã Phú Vang | 27.Xã Phú Đa | 28.Xã Phú Nhuận | 29.Xã Bảo Sơn |
| 30.Xã Dương Bài | | | |

3-Tổng Tân An, 18 xã, thôn, phường:

- | | | | |
|--------------------------|--------------------|------------------------|---------------------|
| 1.Xã Tân An | 2.Xã Hà Tây | 3.Xã Đông Sơn | 4.Xã Trúc Ảnh |
| 5.Xã An Phú | 6.Xã Trị An | 7.Thôn Phước Châu Đại | 8.Xã Hà Bình |
| 9.Xã Bình An | 10.Xã Trung Phường | 11.Xã Thân Lộc | 12.Pường Nhân Chung |
| 13.Thôn Phước Châu Trung | | 14.Thôn Phước Châu Tây | |
| 15.Thôn Dưỡng Mông | 16.Thôn Nhiều Đông | 17.Xã An Thuyên | 18.Xã Bình Tĩnh |

4-Tổng An Lễ Thượng, 28 xã, thôn:

- | | | | |
|----------------|----------------|----------------------|----------------|
| 1.Xã An Lễ | 2.Thôn Gia Hoà | 3.Xã Thảng Lộc | 4.Xã Hữu Trinh |
| 5.Xã Lập Thạch | 6.Xã Hữu Niên | 7.Xã An Tây Chính | 8.Xã An Bằng |
| 9.Xã Cam Lâm | 10.Xã An Mỹ | 11.Pường Trường Sinh | 12.Xã Tân Mỹ |

¹ Huyện Duy Xuyên 維川縣: Xưa là đất Chiêm Động của Chiêm Thành. Đời Trần là đất thuộc châu Thăng 升州. Đời Lê đổi là huyện Hy Giang 熙江縣 thuộc phủ Thăng Hoa 升華府. Đầu đời chúa Nguyễn Hoàng đổi làm huyện Duy Xuyên. Năm Minh Mệnh 8 (1827) tách tổng Tân An huyện Hà Đông nhập vào huyện Duy Xuyên; năm thứ 17 (1836) tách 4 tổng sang huyện Quế Sơn mới lập, đổi thuộc phủ Điện Bàn. Nay là huyện Duy Xuyên tỉnh Quảng Nam.

- | | | | |
|----------------------------|---------------------|--------------------------|-----------------|
| 13.Xã Thuận An | 14.Xã Ngọc Kênh Tây | 15.Xã Phú Nhiều | 16.Xã Tân Đại |
| 17.Xã Hội Khách | 18.Xã An Thanh | 19.Xã Tập Phước | 20.Xã An Chính |
| 21.Xã Ngọc Kênh Đông | 22.Xã Nam Phước | 23.Xã Đại An (Tứ chiếng) | |
| 34.Xã Nông Sơn (Tứ chiếng) | | 45.Xã Phước Khương | 26.Xã Hương Thị |
| 27.Xã Tân Phước | 28.Xã Da Cốc | | |

5-Tổng An Lạc Hạ, 7 xã, phường:

- | | | | |
|-----------------|----------------|------------------|--------------|
| 1.Xã An Lạc | 2.Xã Bàn Thạch | 3.Xã An Phước | 4.Xã Thi Lại |
| 5.Xã Triều Châu | 6.Xã Bình Khê | 7.Pường Vĩnh Lộc | |

6-Tổng Đông An, 20 xã, thôn, châu, giáp:

- | | |
|-------------------------|-----------------------|
| 1.Giáp Tây châu Đông An | 2.Thôn Mã châu Thượng |
| 3.Thôn Mã châu Thành | 4.Thôn Trung Lương |
| 5.Thôn Thi Lai | 6.Thôn An Lâm |
| 7.Thôn Thi Lai Thượng | 8.Thôn Mã châu Tây |
| 9.Thôn Mã châu Đông | 10.Thôn Thi Lai Tây |
| 11.Thôn Cù Bàn | 12.Thôn Hòa Mỹ |
| 13.Thôn Tố An | 14.Thôn Cổ Tháp |
| 15.Thôn Lệ Trạch | 16.Thôn Trung Mỹ |
| 17.Thôn Vĩnh Trinh | 18.Thôn Trung Thái |
| 19.Thôn Thanh Châu | 20.Thôn Nam An |

7-Tổng Phú Mỹ, 25 thôn, châu, ấp:

- | | | |
|--------------------------|--------------------------|-------------------------|
| 1.Thôn Phú Mỹ | 2.Châu Đông Phước | 3.Châu Đông Phước Trung |
| 4.Châu Phước Khương Đông | 5.Châu Phương Trạch Đông | |
| 6.Ấp Phú Hanh Tây | 7.Ấp Phú Hanh Đông | 8.Châu Phượng Minh |
| 9.Châu Đông Phước Tây | 10.Thôn Thuận An | 11.Thôn Bình An |
| 12.Châu Lâm An Trung | 13.Châu Lâm An Tây | 14.Châu Lâm An Đông Đại |
| 15.Thôn Phước Lộc | 16.Thôn Phước Khương | 17.Thôn Thịnh Mỹ |
| 18.Thôn Trung An | 19.Thôn Phước Mỹ | 20.Châu Lâm An Đông |
| 21.Thôn Phước An | 22.Thôn Giảng Hoà | |
| 23.Thôn An Hoà | 24.Châu Mỹ Thuận | 25.Thôn An Ninh |

8-Tổng Thuận An, 8 thôn, phường:

- | | | | |
|-----------------|--|--------------------|---------------|
| 1.Pường Hội An | 2.Thôn Nghĩa Lệ | 3.Pường Phú Khương | 4.Thôn Mỹ Lộc |
| 5.Pường Xuân An | 6.Thôn Long Bình (trước thuộc huyện Hà Đông) | | |
| 7.Pường Phú Sơn | 8.Thôn Phước Toàn | | |

9-Tổng Hoà Mỹ, 7 xã, thôn:

- | | | |
|---------------|--|----------------|
| 1.Xã An Dưỡng | 2.Thôn Bình Kiều (trước thuộc huyện Quế Sơn) | 3.Thôn Phú Lâm |
| 4.Thôn Mỹ Lộc | 5.Thôn Thanh Đơn (trước thuộc huyện Quế Sơn) | |
| 6.Xã Trị An | 7.Thôn Thanh An (Tứ chiếng) | |

Dân số hiện ghi trong sổ: 8.249 người. Trong đó:

-Chức sắc, thí sai, miễn sai các hạng: 2.548 người. Trong đó:

-Lính tuyển và thợ: 1.613 người.

Lính tuyển: 1.521 người.

Thợ đóng thuyền: 92 người.

Thợ xảm thuyền: 6 người.

Miễn đao dịch: 164 người.

-Nhân số:

Hạng chính nạp: 5.520 người.

Hạng biệt nạp: 5 người.

Lê hậu: 10 người.

Ruộng đất hiện nộp thuế: 19.044 mẫu 9 sào 11 thước 3 tấc 2 phân 7 ly.

Trong đó:

-Ruộng: 10.476 mẫu 2 sào 13 thước.

-Đất: 8.568 mẫu 6 sào 13 thước.

Thuế đinh điền cả năm: 20.169 quan 9 tiền 48 đồng tiền.

-Thuế ruộng: 12.585 quan 6 tiền 48 đồng tiền.

-Thuế đinh: 7.584 quan 3 tiền.

Thuế ruộng cả năm nộp bằng thóc: 8.225 hộc 24 thùng 4 nắm 4 lể 7 nhúm.

Phong tục:

Dân trong huyện khi gặp việc gì thì cầu thần lễ Phật, các việc tang ma, cưới xin thì đều tùy sức mà giúp đỡ lẫn nhau. Khi có việc vui mừng thì người có của thường chuộng tổ chức lễ ca hát để tạ ơn thần. Phong tục chung đại thể như thế. Ba tổng An Lễ, Phú Mỹ, Đông An thuộc vùng thượng du, tổng Mậu Hoà thuộc trung du đều làm nghề cày cấy dâu tằm. Tổng An Lạc thuộc hạ du, rải rác cũng có người đóng thuyền đi buôn. Ba tổng Thuận An, Mỹ Khê, Hoà Mỹ ít ruộng đất, dân buôn bán thêm để sinh sống. Tổng Tân An là vùng bờ biển, làm nghề đánh câu cá. Còn như yêu chuộng học hành, đồ dùng ăn mặc tiết kiệm thì các tổng đều giống nhau. Theo đạo Thiên chúa có 5 xã thôn châu là Đông An, Chiêm Sơn, Ngọc Kênh Đông, Ngọc Kênh Tây, Mỹ Xuyên Đông¹, Trà Kiệu.

Sản vật:

Toàn huyện thường bị hạn hán, ít lúa thu, nhiều lúa hè. Sau khi thu hoạch thì trồng khoai, đậu, ngô, dưa hấu. Sơn phận ba xã Tân Đại, Hội Khách, Hữu Trinh tổng An Lễ có cây nam trăn quả khá ngọt, thịt trắng, hàng năm có lệ cung tiến. Xã Mậu Hoà có dầu lạc. Lệ Trạch, Cù Bàn có mật thỏ. Tổng An Lễ có dầu rái² đủ dùng đủ bán. Các sản vật khác thì cũng như các huyện lân cận.

Khí hậu:

Tháng giêng, tháng hai thường có gió đông bắc, nắng nhiều mưa ít, khí trời ấm nóng. Tháng 4, 5 nổi gió nam, nắng nóng. May gặp dịp mưa thì nhà nông liền gieo lúa cạn và lúa vụ thu. Tháng 6, 7 gió nam hun đốt, nắng nóng gay gắt. Tháng 8 chuyển có nhiều gió bắc, nắng lui, mưa nhuần. Tháng 9, 10 gió bắc thổi mạnh, thường bị mưa lụt. Tháng 11, 12 nhiều gió tây bắc, trời trong tạnh không mây, gieo mạ và cấy xong lúa hè. Địa thế nhiều sông ngòi, vùng hạ bản gần biển, mức nước thủy triều lên xuống cũng giống như các huyện khác. Duy miền thượng du hàng năm vào khoảng tháng 7, 8 dân phần nhiều phát bệnh sốt rét, đến mùa xuân năm sau mới khỏi.

Sông núi:

Trong huyện không có ngọn núi nào có tên, chỉ ở phía tây nam tiếp giáp chân núi Tào Sơn. Ngoài ra đều là những núi thấp lấy than lấy củi mà thôi.

-Một dòng sông lớn từ thôn Trung An tổng Quảng Đại Thượng ở huyện Quế Sơn đổ xuống, đổi bờ hai xã Gia Hoà, Quảng Đại, chảy xuống đến bến Sài Tân (bến đò Chợ Củi) ở địa giới phủ Điện Bàn, dài 93 dặm 19 trượng 5 thước, rộng 29 trượng, sâu khoảng 3-4 thước không đều nhau.

-Một dòng sông từ đầu sông xã Hội Khách đổ xuống đến Trà Kiệu đổi bờ với xã Mỹ Xuyên Tây, chảy xuống đến sông Trà Lộ ở phủ Thăng Bình, dài hơn 137 dặm, rộng trên dưới 45 trượng, sâu 5-6 thước không đều nhau.

¹ Mỹ Xuyên Đông tức giáp Đông xã Mỹ Xuyên.

² Ngv. mãnh hoả du 猛火油.

Danh thắng:

Trong huyện không có danh thắng. Chỉ có hai tôn lăng Vĩnh Diễn, Vĩnh Diên ở chân hai núi phía đông và phía tây xã Chiêm Sơn tổng Mậu Hoà Trung. Bốn phía đều là đồi gò cao bao quanh; bên tả là dòng khe nhỏ chảy vào tiền đường, bọt nước dôn tụ; bên hữu là cửa cống xây đá, cảnh sắc cao vời thanh tú. Phía nam lại có chùa Vĩnh An, gian giữa đặt tượng Phật, bên tả bên hữu hai gian kính đặt tôn lăng thần ngự, cảnh trí thanh u tịch tĩnh.

Đường đi:

-Một đường quan lộ từ bến đò sông Tân Mỹ đi qua trạm Nam Phước đến bến đò sông Sài Giang giáp địa giới phủ Điện Bàn¹, dài 8 dặm 73 thước.

-Một đường nhỏ từ huyện lỵ đi về phía nam đến giáp huyện Quế Sơn, lại từ huyện lỵ đi về phía bắc đến giáp huyện Diên Phước, cả hai đoạn nam bắc dài hơn 8 dặm.

-Một đường nhỏ từ phía đông giáp bờ biển đi lên phía tây đến giáp xã Hội Khách, dài hơn 77 dặm.

[Dịch trạm]:

1 dịch trạm: Trạm Nam Phước.

HUYỆN HOÀ VANG

Huyện Hoà Vang do phủ Điện Bàn thống hạt, là vùng đất bìa rừng sỏi đá, mười phần đất ở chỉ được năm sáu phần.

Lỵ sở nguyên ở địa phận xã Hoá Khuê Trung Tây tổng Bình Thới Hạ. Năm Tự Đức 14 (1861) do có quân thứ xây đồn ở địa phận xã Nghị An trong huyện, khi xong việc [quân thứ rút đi] bèn dời lỵ sở về nơi ấy. Trên khoảnh đất vuông 2 mẫu 6 sào có lẽ, bên trong dựng 1 ngôi nhà lợp tranh 3 gian 2 chái, ngoài mở một cửa trước.

Huyện hạt² phía đông đến biển lớn, phía tây giáp sông Cẩm Lệ tiếp liền với vùng núi.

Đông tây cách nhau 76 dặm 15 trượng có lẽ. Nam bắc cách nhau 39 dặm 30 trượng.

Huyện có 7 tổng, gồm 142 xã, thôn, phường:

1-Tổng Hoà An Thượng, 31 xã, thôn:

1.Xã Trường Định	2.Xã Phù Nam Thượng Hạ	3.Xã Nam An
4.Xã Hoà An	5.Thôn Hoà Mỹ	6.Xã Hội An Thượng
7.Xã Trung Nghĩa	8.Xã Lộc Mỹ	9.Xã Phú Lộc
10.Xã Quan Nam	11.Xã Phước Lý	12.Xã Văn Dương
13.Xã Đa Phước	14.Xã Tân Ninh	15.Xã Thanh Sơn
16.Xã Thạnh An	17.Xã Trung Sơn	18.Xã Hoà Mỹ
19.Xã An Mỹ Đông	20.Xã Nhơn Hoà	21.Xã An Mỹ Tây
22.Xã Trung An	23.Xã Tùng Sơn	24.Xã An Nghĩa Trung
25.Xã Hưởng Phước	26.Xã Bảo Sơn	27.Xã Lộc Hoà
28.Xã Đông Sơn	29.Xã Vĩnh Phước	30.Xã Mỹ Sơn
31.Xã Lệ Mỹ		

¹ Vì huyện Duy Xuyên cũng thuộc phủ Điện Bàn nên câu này cần hiểu là ở "cuối địa phận phủ Điện Bàn"; nếu là "giáp giới" thì phải là giáp giới phủ Thăng Bình.

² Huyện Hoà Vang: 和榮縣 Xưa là đất châu Lý của Chiêm Thành. Đầu đời Lê là đất huyện Điện Bàn thuộc phủ Triệu Phong trấn Thuận Hoá. Nguyễn Hoàng tách Điện Bàn vào dinh Quảng Nam, lập mới huyện Hoà Vang đặt thuộc phủ Điện Bàn (gồm 5 huyện đều mới chia đặt). Nay là huyện Hoà Vang tỉnh Quảng Nam.

2-Tổng Phước Tường Thượng, 25 xã, thôn:

- | | | | |
|--------------------|--------------------------------|--------------------|------------------|
| 1.Xã Nghi An | 2.Xã Đông Phước | 3.Xã Phước Tường | 4.Xã Đà Sơn |
| 5.Thôn Khánh Sơn | 6.Xã Phú Thượng | 7.Xã Phú Hạ | 8.Xã Cao Sơn |
| 9.Xã Hội Vực | 10.Thôn Dương Lam xã Dương Sơn | | 11.Thôn Lam Viên |
| 12.Xã Phước Thuận | 13.Xã Đại La | 14.Thôn Phước Nhơn | 15.Thôn Cư Nhơn |
| 16.Xã Hải Châu | 17.Xã La Châu | 18.Xã Phú Sơn | 19.Xã Khê Lâm |
| 20.Thôn Phú Thượng | 21.Xã Phước Thới | 22.Xã An Tân | 23.Xã Đông Phú |
| 24.Thôn Lỗ Sà | 25.Thôn Diên Sơn | | |

3-Tổng Đức Hoà Thượng, 23 xã, thôn:

- | | | | |
|--------------------|-------------------|---------------------|-----------------|
| 1.Xã An Mỹ Hạ | 2.Xã Tích Phú | 3.Xã La Đái | 4.Xã Hoà Duân |
| 5.Xã Ái Nghĩa | 6.Xã An Hoà | 7.Xã Đức Hoà | 8.Xã Phiếm Ái |
| 9.Xã Đại An | 10.Xã Đại Lợi | 11.Xã Bàng Trạch | 12.Xã Phú Hương |
| 13.Xã Hoàng Phước | 14.Xã Hà Điền | 15.Xã Trúc Hà | 16.Xã Trung Đạo |
| 17.Xã Mậu Lâm | 18.Xã An Thịnh | 19.Xã An Mỹ Thượng | 20.Xã Long Phú |
| 21.Xã Tiên Sơn Tây | 22.Xã Phương Thới | 23.Xã Tiên Sơn Đông | |

4-Tổng An Châu Thượng, 24 xã, thôn, phường:

- | | | | |
|--------------------|-------------------|--------------------|------------------|
| 1.Pường Cẩm Khê | 2.Xã Thạch Nham | 3.Xã Phú Hoà | 4.Xã Thuý Loan |
| 5.Xã Bồ Bản | 6.Xã Cẩm Toại | 7.Thôn Dao Trì | 8.Xã Ninh An |
| 9.Xã Thới Lai | 10.Xã Đông Lai | 11.Xã Tân An | 12.Xã Khương Mỹ |
| 13.Xã An Châu | 14.Thôn An Châu | 15.Thôn Phước Vinh | 16.Xã Phước Châu |
| 17.Xã Phước Khương | 18.Pường Đồng Môn | 19.Xã Phước Hậu | 20.Xã Phước Hưng |
| 21.Xã Đông Bích | 22.Xã Trúc Bào | 23.Xã Xuân Lộc | 24.Xã Hương Lam |

5-Tổng Phú Khê, 5 phường, thôn:

- | | | | |
|-------------------|-------------------|---------------|---------------|
| 1.Pường Đại Giang | 2.Pường Phú Giang | 3.Thôn Hà Dục | 4.Pường Mỹ An |
| 5.Pường An Sơn | | | |

6-Tổng Thanh Châu, 13 xã, thôn, giáp:

- | | |
|---------------------------|--------------------------|
| 1.Giáp Đông xã Thanh Châu | 2.Giáp Nam xã Thanh Châu |
| 3.Giáp Tây xã Thanh Châu | 4.Xã Đại An |
| 6.Xã Mỹ Khê | 7.Xã Hà Khê |
| 8.Xã Nhâm | 9.Xã Đẻ Vồng |
| 10.Xã Phú Tài | 11.Xã Phước Trạch |
| 12.Xã Kỳ La | 13.Pường Tân Hợp |

7-Tổng Bình Thới Hạ, 21 xã, thôn:

- | | | |
|------------------------|-------------------------|---------------------|
| 1.Xã Bình Thới | 2.Xã Hoá Khuê Trung Tây | 3.Xã Liên Trì |
| 4.Xã Thạch Giản | 5.Xã Nại Hiên Đông Tây | 6.Xã Hải Châu Chính |
| 7.Thôn Luân Xuyên Đông | 8.Thôn Thạch Than | 9.Thôn Nại |
| 10.Xã Liên Chiêu | 11.Xã Xuân Hòa | 12.Xã Xuân Thiều |
| 13.Xã Xuân Đán | 14.Xã Phục Đán | 15.Xã Cầu Đê |
| 16.Xã Nam Dương | 17.Xã Phước Ninh | 18.Xã Hoá Ổ |
| 19.Thôn Chân Sảng | 20.Thôn An Khê | 21.Thôn Thanh Khê |

Dân số hiện ghi trong sổ đình: 3.284 người.

Chức sắc, thí sai, miễn sai các hạng: 901 người. Trong đó:

-Lính tuyển: 632 người.

-Miễn đao dịch: 179 người.

Nhân số:

Hạng chính nạp: 2.143 người.

Hạng biệt nạp: 60 người (các hộ lấy tổ yến).

Lê hậu: 1 người.

Ruộng đất hiện nộp thuế: 15.268 mẫu 7 sào 1 thước 2 tấc 1 ly. Trong đó:

-Ruộng: 13.508 mẫu 2 sào 10 thước có lẻ.

-Đất: 1.760 mẫu 4 sào 5 thước có lẻ.

Thuế cả năm nộp bằng tiền: 9.025 quan 648 đồng tiền. Trong đó:

-Thuế ruộng đất: 5919 quan 2 mạch 18 văn.

-Thuế đình: 3369 quan 4 mạch 30 văn.

Thuế ruộng cả năm nộp bằng thóc (tô): 9491 hộc 19 thưng 2 vốc 9 nắm 5 lẻ 3 nhúm.

Phong tục:

Đất xấu, dân nghèo, ăn mặc tiêu pha tằn tiện, số lượng kẻ sĩ ít hơn các huyện lân cận nhưng Tiến sĩ, cử nhân, tú tài thỉnh thoảng cũng có. Các xã, thôn, phường đều có đình chùa. Hàng năm lấy tháng 8 làm hội tế ở đình, gọi là tế kỳ. Hàng năm lấy quý đầu mở hội cúng ở chùa gọi là cúng Phật. Tiết Đoan dương thì làm lễ ở nhà (tục gọi là ăn mông Năm). Tháng 12 thì họp họ sửa sang mồ mả tổ tiên. Trừ tịch (đêm ba mươi Tết) bày cỗ cúng ở nhà, đốt pháo nổ vang, các nhà đều cắm cây nêu đầu ngõ, gọi là ngày tết đón tổ tiên. Sau ngày mông một Tết thì thường ngày đều cúng tế, áo quần sạch sẽ, qua lại với nhau, gọi là chúc mừng năm mới. Cứ như vậy trong 3 ngày thì thôi. Các lễ tang ma cưới xin cũng đều tuỳ theo lực từng nhà, nhưng hôn lễ thì phần nhiều là đi ở rể, mà chỉ một số ít người làm được lễ đón dâu. Đến như các lễ chúc lễ mừng, nhà có lực thì ra làm lễ ở đình làng hoặc làm tại nhà, làm xôi giết vật cúng, kết lá làm nhà rạp để nhảy múa diễn kịch làm vui để tạ ơn thân, gọi là lễ hoàn nguyện (hoàn tất nguyện vọng). Đại khái các nơi đều giống nhau như thế. Tổng Đức Hoà ở vùng thượng du, người đông đất chật, dân đi đón củi, trồng vườn đắp đổi mưu sinh, thói tục hay tranh cạnh. Tổng Phú Khê không có đất ở, dân phải tản đi ngụ cư ở các xã thôn khác, chuyên làm nghề trao đổi hàng hoá với người các sách Man ở nguồn Ô Da. Ba tổng Phước Tường, An Châu, Hội An ở dựa chân rừng, tập tục chất phác, mỗi khi việc nông nhàn rồi thì đi đốt than đón củi làm kế sinh nhai. Hai tổng Bình Thới, Thanh Châu tiếp liền bờ biển, dân phần nhiều làm nghề buôn cá, ít người làm nông tang. Theo đạo Thiên chúa toàn tông thì có ba xã thôn An Ngãi, Tùng Sơn, Phú Thượng. Giáo tông thì có các xã thôn Nam An, Hội An, Phú Hạ, Hoà Mỹ, Bảo Sơn, Đại La, Thạch Nham, Đồng Môn, An Mỹ Đông.

Sản vật:

Nhiều lúa vụ hè, ít lúa vụ thu. Cái lợi về trồng dâu nuôi tằm càng ít. Sản vật có rau quả, khoai, đậu có thể cung cấp cho việc ăn uống và cũng trao đổi chung ra cả toàn huyện. Riêng có từng nơi thì như Hoá Khuê có cua đá, Tân Hợp có yến sào; Phước Hưng, Phước Thuận, Thuý Loan có xoài; Đa Phước, Xuân Thiều có mây nước; Ái Nghĩa, La Đái, Tích Phú, An Mỹ có mật thô; Phù Nam, Tùng Sơn, Phú Thượng, Hội An có chè xanh; Nghi An, Đông Phước, Bình Thới có thuốc lá. Các sản vật khác như mật ong, sáp ong, mây nước, mây song, trám, tốc hương, chim công thì rải rác có ở các nguồn Cu Đê, Lỗ Đông, Ô Da. Đó là sản vật riêng có ở đất Man.

Khí hậu:

Khí trời mùa xuân sáng tạnh, mùa hè nắng nhiều, mùa thu mưa nhiều, mùa đông rét nhiều. Khí đất thì nơi cao khô thích nghi với lúa dẻo, ruộng thấp có nước thích nghi với lúa tẻ. Vụ hè thì tháng 8 gieo mạ, tháng 10 xuống cấy, tháng 3 thu hoạch. Vụ thu thì tháng 3 gieo mạ, tháng 5 xuống cấy, tháng 9 thu hoạch. Khí hậu đến nhanh hay chậm, việc nông làm sớm hay muộn, đại khái cũng giống với các huyện lân cận. Chỉ có các tổng thượng du ở gần rừng núi thì khổ vì lam chướng khí độc, hàng năm cứ đến tháng 7, tháng 8 nhiều người mắc bệnh sốt rét, đến tháng 2, 3 năm sau mới dần khỏi, cứ lặp đi lặp lại liên miên, từ xưa đến nay đều như vậy.

Sông núi:

Cù lao Chiêm mọc dựng ở phía đông nam, đảo Ngự thì sừng sững ở phía đông bắc. Phía chính bắc là các núi Hải Vân, Bồ Cô, Hãn Liên. Phía chính tây thì trùng điệp núi Liên Sơn, núi Trà Ác, núi Cảnh Hoá, tiếp liền với núi Xuân Sơn, núi Phước Tường, núi Phù Nam.

Hai sông lớn:

-Một dòng sông lớn bắt nguồn từ nguồn Cu Đê (phía tây huyện), rộng 5 trượng, sâu 3 thước 5 tấc, chảy ra cửa tấp Cu Đê, dài 30 dặm 22 trượng, rộng 57 trượng 5 thước, sâu 5 thước 5 tấc.

-Một dòng sông lớn bắt nguồn từ nguồn Lỗ Đông (phía tây huyện), rộng 3 trượng 1 thước, sâu 1 thước 7 tấc, chảy ra cửa tấp Đà Nẵng, dài 21 dặm 9 trượng, rộng 36 trượng 8 thước, sâu 1 trượng 7 thước.

Hai con sông nhỏ:

-Một sông nhỏ từ xã An Mỹ Thượng thuộc bản huyện chảy đến sông lớn thuộc địa phận huyện Diên Phước, dài 7 dặm 73 trượng, rộng 2 trượng, sâu 1 thước 2 tấc.

-Một sông nhỏ từ xã Ái Nghĩa (thuộc bản huyện) đến ngã ba (thuộc địa phận huyện Diên Phước), dài 5 dặm 53 trượng, rộng 2 trượng, sâu 1 thước 7 tấc.

Danh thắng:

Trong huyện không có danh thắng.

Đường đi:

-Một đường quan lộ từ cửa Hải Vân đến bến đò Cẩm Lệ, dài 39 dặm lẻ 30 trượng, rộng 1 trượng.

Bốn đường nhỏ:

-Một đường nhỏ từ huyện lỵ đến Đà Nẵng, dài 4 dặm 118 trượng, rộng hơn 7 thước.

-Một đường nhỏ từ nguồn Lỗ Đông đến huyện lỵ, dài 21 dặm 60 trượng, rộng hơn 4 thước.

-Một đường nhỏ từ xã Phiếm Ái đến huyện lỵ, dài 18 dặm lẻ 86 trượng, rộng hơn 5 thước.

-Một đường nhỏ từ nguồn Cu Đê đến huyện lỵ, dài 10 dặm lẻ 76 trượng, rộng hơn 3 thước.

Trong huyện hạt có:

-Miếu Tam toà.

-Các đồn lũy: Điện Hải, Thủy Hạp, Phước Trạch, Dục Thương, Thâu Xuyên.

-Hai tấp sở: cửa tấp Đại Chiêm và cửa tấp Đà Nẵng.

-Hai thủ sở ở nguồn Lỗ Đông và nguồn Cu Đê.

-Công quán của dinh Hải Phòng.

-Kho tạm chứa thóc.

-Hai dịch trạm Nam Ổ và Nam Chân.

PHỦ THĂNG BÌNH

Phủ Thăng Bình kiêm lý huyện Lễ Dương, thống hạt hai huyện Quế Sơn, Hà Đông. Lý sở đặt ở địa phận xã Hà Lam tổng Phú Mỹ Trung. Phủ đường lợp ngói (3 gian 2 chái), xung quanh trồng rào tre, mở 1 cửa trước.

Phủ hạt¹ phía đông giáp biển, phía tây giáp rừng núi, phía nam giáp giới huyện Bình Sơn tỉnh Quảng Ngãi, phía bắc giáp giới huyện Duy Xuyên.

Đông tây cách nhau hơn 89 dặm. Nam bắc cách nhau hơn 190 dặm.

Huyện Lễ Dương do phủ kiêm lý, 7 tổng:

- | | | |
|------------------------|------------------------|-----------------------|
| 1. Tổng Đông An Thượng | 2. Tổng Việt An Thượng | 3. Tổng Chu Đức Trung |
| 4. Tổng Phú Mỹ Trung | 5. Tổng Hưng Thịnh Hạ | 6. Tổng An Thới Trung |
| | | 7. Tổng An Thạnh Hạ |

Hai huyện thống hạt Quế Sơn và Hà Đông, gồm 11 tổng:

Huyện Quế Sơn, 5 tổng:

- | | |
|--------------------------|------------------------|
| 1. Tổng Quảng Đại Thượng | 2. Tổng Thuận An Trung |
| 3. Tổng Xuân Phú Trung | 4. Tổng An Mỹ |
| | 5. Tổng Ngọc Sơn |

Huyện Hà Đông, 6 tổng:

- | | |
|---------------------------|-------------------------|
| 1. Tổng Tiên Giang Thượng | 2. Tổng Đức Hoà Trung |
| 3. Tổng Vinh Quý Trung | 4. Tổng Chiên Đàn Trung |
| 5. Tổng An Hoà | 6. Tổng Phú Quý Hạ |

Phủ hạt có 3 huyện, 18 tổng, tất cả 522 xã, thôn, phường, ấp, tộc.

Nhân số hiện tịch: 27.879 người. Trong đó:

-Chức sắc, thí sai, miễn sai các hạng: 6.684 người. Trong đó:

Lính tuyển: 4.385 người.

Thợ Cục đóng xảm thuyền²: 460 người.

Miễn đao dịch các hạng: 260 người.

Hạng chính nạp: 17.285 người.

Hạng biệt nạp thuế vàng: 3.331 người.

Hạng biệt nạp thuế sắt chín: 312 người.

Hạng biệt nạp hộ yển: 1 người.

Lê hậu: 6 người.

Ruộng đất hiện thu thuế: 66.656 mẫu 1 sào 6 thước 3 tấc 4 phân 9 ly.

Thuế đinh điền cả năm nộp bằng tiền: 47.471 quan 9 tiền 13 đồng tiền.

Thuế ruộng cả năm nộp bằng thóc (tô): 48.295 hộc 14 thăng 2 vốc 8 nắm 4 lẻ 3 nhúm.

¹ Phủ Thăng Bình: Xưa là đất Chiêm Động của Chiêm Thành. Đời Hồ đặt làm hai châu Thăng 升州 và Hoa 華州 thuộc lộ Thăng Hoa. Thời thuộc Minh là phủ Thăng Hoa. Đời Lê cũng là phủ Thăng Hoa 升華府 thuộc thừa tuyên Quảng Nam sau đổi là trấn Quảng Nam (gồm 3 huyện Lê Giang, Hà Đông, Hi Giang). Năm Minh Mệnh 17 (1836) đặt thêm huyện Quế Sơn và tách huyện Duy Xuyên (trước là Hi Giang) sang phủ Điện Bàn. Đầu đời Thiệu Trị (1841) kiêng chữ Hoa (tên húy mẹ vua Thiệu Trị), đổi làm phủ Thăng Bình 升平府. Nay là đất các huyện Thăng Bình, Quế Sơn và thị xã Tam Kỳ tỉnh Quảng Nam.

² Ngv.: Kiên chu tượng cục 堅舟匠局.

Thuế vàng cả năm: 622 lạng 1 tiền (chiết nộp mỗi tiền vàng trị giá 8 quan), thành tiền: 49.768 quan tiền.

Thuế sắt chín cả năm: 8.810 cân.

Phong tục:

Phong tục trong dân thuần hậu chất phác, cần cù trồng trọt cấy cày. Huyện Hà Đông phần nhiều gần rừng núi, thường cùng trao đổi hàng hoá với người Man. Dân ven biển thì đóng thuyền đi buôn, nhưng cũng có người làm nghề đánh cá. Huyện Quế Sơn thì phần nhiều ở lại giữ gốc làm ăn tại quê quán, ít người theo nghề ngọan đi buôn. Nghề dâu tằm thì trong cả ba huyện cũng có làm nhưng không được bao nhiêu. Các nghề làm thợ thì thô sơ. Thờ Phật, cầu thần, hội hè ca hát chúc mừng, cưới xin, tang ma, tế lễ làm to làm nhỏ tùy nghi hoàn cảnh từng nơi từng nhà. Dân theo đạo Thiên chúa thì huyện Lễ Dương có 11 xã, thôn gián tông (Thọ Sơn, Phụ An, Sơn Bình, An Chính, An Trường, Cẩm Lũ, Tư Chính, Tiên Đóa, Văn Đóa, Đông Đông, Thới Thanh, Lệ An, Hoà Đông); huyện Quế Sơn thì chỉ có vài người ở xã Phú Cường mà thôi.

Sản vật:

Lúa vụ hè thì tháng 10 xuống cấy, tháng 3 thu hoạch. Lúa vụ thu tháng 5 xuống cấy, tháng 8 thu hoạch. Lúa sớm thì tháng 4, 5 gieo, tháng 10 thu hoạch. Ngô đậu, rau quả, thuốc lá, sa nhân thì các huyện trong phủ đều có. Riêng vỏ quế, sắt tôi sản ở hai huyện Quế Sơn, Hà Đông; quả lòn bon, dâu rái sản ở Quế Sơn; vỏ trai, chiếu hoa ở huyện Lễ Dương. Muối thô, nước mắm, đá ong, dứa sản ở huyện Hà Đông. Ngoài ra cũng như các phủ khác.

Khí hậu:

Mùa xuân khí trời ôn hoà, tạnh nhiều mưa ít. Mùa hè gió nam thổi mạnh, nắng nóng như hun đốt. Mùa thu gió bắc chớm lạnh, nhiều mưa lụt, nhiều khi có gió bão. Mùa đông gió bắc kéo dài, khí âm rét đậm, mưa phùn dài ngày. Thời tiết trong năm đại khái như vậy, còn khí hậu chung thì cũng giống các phủ huyện khác.

Danh thắng:

Trong phủ thì huyện Lễ Dương có Ao Vương (Phương Trì), Giếng Trống (Cổ Tỉnh); huyện Quế Sơn có Ao Nước Nóng (Thang Trì), huyện Hà Đông có hai ngôi miếu thiêng, hai ngôi tháp cổ, một con nghề bằng đá.

Núi sông:

-Huyện Lễ Dương có: núi Chóp Chài, núi Kinh Sơn, núi Lạc Sơn, núi Cồn Cồn, núi Lung Sơn.

-Huyện Quế Sơn: có núi Cửu Phong, núi Kha Tang, núi Nhữ Sơn, núi Châu Sơn, núi Tào Sơn, núi Liên Chủ, núi Chung Sơn, núi Đông Sơn, núi Thương Sơn, núi Mậu Sơn, núi Bác Sơn, núi Thổ Sơn, núi Lãng Sơn.

-Huyện Hà Đông có núi Chủ Sơn, núi Kim Khoáng, núi Thiết Khoáng, núi Tà My, núi Bàn Thán, núi Quy Bối, núi Bông Miêu. Còn lại đều chỉ là những núi thấp lấy than lấy củi mà thôi (ngoài ra xem phần ghi các huyện).

-Một dòng sông tục gọi là sông Tranh, phía nam giáp sơn phận huyện Bình Sơn tỉnh Quảng Ngãi chảy về phía bắc, quanh co chảy qua hai huyện Hà Đông, Lễ Dương, chảy đến địa giới huyện Quế Sơn, phía cuối giáp giới huyện Duy Xuyên, cộng dài hơn 170 dặm trượng.

-Một dòng sông tục gọi là sông Hoàn, phía nam từ núi Thanh Trúc huyện Hà Đông, đoạn giữa chảy đến xã Trung Sơn Bình An thì nối dòng, đến hai xã Tú An, Trung An Tân giáp xã Đại Tráng huyện Lễ Dương, chảy thông đến nối dòng ở xã Đông An, dài hơn 59 dặm, rộng 2 trượng 4 thước, có nơi rộng 3 trượng, rộng hẹp không đều nhau, sâu trên dưới 1 trượng không đều nhau.

-Một dòng sông từ cửa tấp Đại Chiêm chảy về phía nam qua cửa tấp Đại Áp, Tiểu Áp huyện Hà Đông, đến bến đò xã Phương Tân tổng An Hoà, cộng dài hơn 100 dặm (ngoài ra xem phần ghi về các huyện).

Đường đi:

-Một đường quan lộ phía bắc giáp địa giới huyện Duy Xuyên, phía nam đến cột mốc (mộc bài) giới hạn của huyện Bình Sơn tỉnh Quảng Ngãi, cộng dài hơn 119 dặm trượng.

8 đồn bảo của nguồn:

Cửa tấp Đại Áp, nguồn Chiên Đàn, nguồn Tinh Sơn, nguồn Thu Bồn, đồn An Lương, đồn điền Đại An, lũy đất An Hoà, lũy đất Phú Xuân.

3 sở nhà trạm: trạm Nam Ngọc, trạm Nam Kỳ, trạm Nam Vân.

HUYỆN LỄ DƯƠNG

Huyện Lễ Dương do phủ Thăng Bình kiêm lý.

Huyện hạt¹ phía đông giáp các xã bờ biển thuộc huyện Duy Xuyên. Phía tây giáp các xã vùng núi và giáp huyện Hà Đông, phía bắc giáp giới huyện Quế Sơn.

Đông tây cách nhau hơn 89 dặm trượng. Nam bắc cách nhau hơn 28 dặm trượng.

Huyện có 7 tổng, gồm 191 xã, thôn, phường, ấp, tộc:

1-Tổng Đông An Thượng, 16 xã, thôn, phường:

- | | | | |
|-----------------------------|------------------|-----------------|-----------------|
| 1.Xã Đông An | 2.Thôn Trung Ái | 3.Thôn Hoá Khuê | 4.Xã Cẩm Tú |
| 5.Thôn Bình An xã Phước Hoà | 6.Xã Phước Hoà | 7.Xã Phú Toàn | |
| 8.Thôn An Vinh | 9.Xã An Lâm | 10.Xã Tài Thành | 11.Thôn Phú Hữu |
| 12.Thôn Phú Nhơn | 13.Thôn Định Sơn | 14.Xã Phú Thụy | 15.Pường Na Sơn |
| 16.Pường Mỹ Đàm | | | |

2-Tổng Việt An Thượng, 30 xã, thôn:

- | | | | |
|--------------------------|-----------------------------|-------------------|-----------------|
| 1.Xã Việt An | 2.Xã Diên Lộc | 3.Xã Đại Lộc | 4.Xã Hiền Lộc |
| 5.Xã Bình Sơn | 6.Xã Lộc Sơn Đông | 7.Xã Lộc Sơn Tây | 8.Xã Đồng Đức |
| 9.Xã Vinh Huy | 10.Xã Điện An | 11.Xã Lam Sơn | 12.Thôn Cẩm La |
| 13.Thôn Cao Ngạn | 14.Xã Lộc An | 15.Xã Hội Tường | 16.Xã Ngọc Lâm |
| 17.Thôn Ngọc Chánh | 18.Xã Hoà Lộc | 19.Xã Đại Tráng | |
| 20.Giáp Đông xã Phú Vang | 21.Giáp Tây xã Phú Vang | | |
| 22.Thôn Cẩm An Đông | 23.Thôn Cẩm An Tây | 24.Xã Phú Lâm | 25.Xã Trung Lâm |
| 26.Xã Phú Trường | 27.Xã Hương Lâm (Tứ chiếng) | 28.Thôn Hương Phố | |
| 29.Xã An Tráng | 30.Xã La Nga | | |

3-Tổng Chu Đức Trung, 29 xã, thôn:

- | | | | |
|--------------------|---------------|------------------|-------------------|
| 1.Xã Chu Đức | 2.Xã Nho Lâm | 3.Xã Nho Lâm Tây | 4.Xã Xuân Thới |
| 5.Xã Xuân Sơn Đông | 6.Xã Hưng Lộc | 7.Xã Đông Tiến | 8.Xã Xuân An Hạ |
| 9.Xã An Trường | 10.Xã Thọ Sơn | 11.Xã Đồng Linh | 12.Xã Phước Cường |
| 13.Xã Phước Hà | 14.Xã Đức An | 15.Xã An Lý | 16.Xã Gia Hội |

¹ Huyện Lễ Dương:醴陽縣 Xưa là đất Chiêm Động. Đồi Hồ là đất thuộc châu Thăng. Đồi Lê Thánh Tông là huyện Lê Giang 黎江. Đầu đời Gia Long đổi là huyện Lễ Dương 醴陽. Nay là huyện Thăng Bình tỉnh Quảng Nam.

- | | | | |
|------------------|-----------------|------------------|--------------------|
| 17.Xã Thành An | 18.Xã Đại Trị | 19.Xã Thanh Đăng | 20.Xã Phú Long |
| 21.Xã An Xá Đông | 22.Xã An Xá Tây | 23.Xã Mỹ Hoà | 24.Xã Bình Xuân |
| 25.Xã Thanh Sơn | 26.Xã An Lâm | 27.Xã Đồng Dương | 28.Xã Đại An Chính |
| 29.Xã Trà Lai | | | |

4-Tổng Phú Mỹ Trung, 33 xã, thôn, tộc:

- | | | | |
|------------------------|-------------------|--------------------------|--------------------|
| 1.Xã Phú Mỹ | 2.Xã Hà Lam | 3.Xã Thanh Ly | 4.Xã Thạnh Mỹ |
| 5.Xã Liễu Trì | 6.Xã Tư Chánh | 7.Xã Tắt Viên | 8.Thôn Chung Phước |
| 9.Xã Phước Thiện | 10.Xã Phước Thành | 11.Xã Xuân Mỹ | 12.Xã Xuân An |
| 13.Thôn Thọ An | 14.Thôn Tân Thạnh | 15.Xã Đồng Thới | 16.Xã Phú Cường |
| 17.Thôn Trà Oánh | 18.Xã Hương Chỉ | 19.Xã Cơ Bình | |
| 20.Giáp Tây xã Bình An | | 21.Xã An Bình | 22.Thôn Ngọc An |
| 23.Xã Bình An Chánh | 24.Xã An Hợp | 25.Xã Bình Lộc | 26.Xã Trà Sơn Hạ |
| 27.Xã Cẩm Lũ | 28.Xã Phước Thạnh | 29.Xã An Nghĩa | 30.Xã Ngọc Phô |
| 31.Xã Trường An | 32.Thôn La Mật | 33.Tộc An Thới (mới lập) | |

5-Tổng An Thới Trung, 37 xã, thôn, phường:

- | | | | |
|--------------------------------|----------------------|----------------------|----------------------------|
| 1.Xã An Thới | 2.Xã Địch Thới | 3.Xã Trà Long | 4.Xã Kế Xuyên |
| 5.Xã Tuân Nghĩa | 6.Xã Phô Thị | 7.Xã Phú Xuân | 8.Xã Trà Sơn |
| 9.Thôn Thừa Giáo | 10.Thôn Đồng Hạm Tân | | 11.Thôn An Sơn (Tứ chiếng) |
| 12.Xã Văn An | 13.Xã Thạch Tân | 14.Thôn Tuân Mỹ Tây | 15.Xã Bình Phong |
| 16.Xã Bắc Lâm | 17.Xã Tây Mỹ | 18.Xã Phú Hoà | 19.Thôn Phú Long |
| 20.Xã An Hoà Đông | 21.Xã Đông Mỹ | 22.Xã An Hội | 23.Xã An Đại |
| 24.Thôn Phụ An Sơn | 25.Xã Gia Phước | 26.Xã Phượng Loan | 27.Xã An Hoà Tây |
| 28.Xã Phượng Sơn Đông | | 29.Xã Phượng Sơn Tây | 30.Xã Trường Phước |
| 31.Xã Khánh An | 32.Xã Tuân Dưỡng | 33.Xã Vĩnh Tú | 34.Phường Vĩnh An |
| 35.Phường Tân An xã Xuân Xương | | 36.Phường Phú Xuân | 37.Xã An Mỹ |

6-Tổng Hưng Thạnh Hạ, 24 xã, thôn, phường:

- | | | | |
|--------------------------------|----------------------|-----------------------------|-------------------|
| 1.Xã Hưng Thạnh | 2.Xã Hưng Thịnh Đông | 3.Xã Tiên Mỹ | 4.Xã Tiên Đoá |
| 5.Thôn Tiên Châu | 6.Thôn Tiên Khê | 7.Xã An Thạch | 8.Xã Tây Giang |
| 9.Thôn Cổ Linh | 10.Xã Đông Tác | 11.Xã Du Nghĩa | 12.Thôn Mỹ Cường |
| 13.Phường Vĩnh Phước | 14.Phường Tân An | 15.Xã Quảng Phú | 16.Xã Kỳ Trân |
| 17.Thôn Đông Trì | 18.Xã Tân Hợp | 19.Thôn Diên An xã Tiên Đoá | |
| 20.Thôn Diên Phước xã Tiên Đoá | | 21.Xã Văn Đoá Đông | 22.Xã Văn Đoá Tây |
| 23.Xã An Hà (Tứ chiếng) | | 24.Thôn Phú Thạnh | |

7-Tổng An Thạnh Hạ, 22 xã, thôn, phường, ấp, tộc:

- | | | | |
|-----------------------|-------------------|----------------------|------------------|
| 1.Xã An Thịnh | 2.Xã Trà Đoá | 3.Xã Lạc Cầu | 4.Xã An Lương |
| 5.Thôn Trà Lộ | 6.Xã Kỳ Sơn | 7.Xã Tương An | 8.Xã Tú Viên |
| 9.Xã Đăng Lương | 10.Phường Phú Sơn | 11.Phường An Đông | 12.Xã Bình Trung |
| 13.Thôn Dục Thúy | 14.Thôn An Giáo | 15.Tộc Dục Thúy | |
| 16.Phường Phụ An Đông | | 17.Thôn Thạnh Khương | 18.Tộc Xuân An |
| 19.Ấp Phương Trì | 20.Phường Tân Dân | 21.Phường An Phú | 22.Xã Phước Lâm |

Nhân số hiện tịch: 9.469 người. Trong đó:

-Chức sắc, thí sai, miễn sai các hạng: 2.384 người. Trong đó:

Lính tuyền: 1.882 người.

Thợ tuyền: 3 người (thợ xảm thuyền).

-Miễn dao dịch các hạng: 77 người.

-Các hạng chính nạp: 7.007 người.

-Lê hậu: 1 người.

Ruộng đất hiện thu thuế: 24.801 mẫu 7 sào 13 thước 4 tấc 1 phân 3 ly. Trong đó:

-Ruộng: 2.934 mẫu 38 sào 6 thước 11 tấc 1 phân 8 ly.

-Đất: 1.866 mẫu 9 sào 7 thước 3 tấc.

Thuế ruộng đất cả năm: 17.813 quan 1 tiền 43 đồng tiền. Trong đó:

-Thuế ruộng đất: 8.935 quan 1 tiền 13 đồng tiền.

-Thuế đình: 8.878 quan 30 đồng tiền.

Thuế ruộng cả năm nộp bằng thóc (tô): 18.719 hộc 18 thưng 8 vốc 1 nắm 5 lẻ 4 nhúm.

Phong tục:

Dân trong huyện thuần hậu chất phác, chuộng văn nhã, lấy cày cấy trồng trọt làm nghề, rải rác cũng có người buôn bán. Cưới xin, tang ma đều tùy mức túng tiện. Trong năm ít lễ cúng Phật mà nhiều lễ tế thần. Phạm có câu yên, chúc mừng đều mở hội ca hát, đi lại thăm viếng thù tạc nhau. Theo đạo Thiên chúa giáo thì có Thọ Sơn, Phụ An, Sơn Bình, An Chính, An Trường, Cẩm Lũ, Tư Chính, Tiên Đoá, Vân Đoá, Đông Đông, Thới Thanh, Lệ An, Hoà Đông, tất cả 11 xã, thôn.

Sản vật:

Trong huyện mỗi năm có ba vụ lúa hè, lúa thu, lúa cạn. Vụ hè tháng 10 xuống cấy, tháng 3 thu hoạch. Vụ thu tháng 5 xuống cấy, tháng 8 thu hoạch. Vụ lúa cạn tháng 4, 5 gieo hạt, tháng 10 thu hoạch. Bông, khoai, đậu, mía, đay, lúa mạch thì tùy nơi hợp đất mà trồng. Hai tổng Đông An, Việt An có sa nhân, vỏ đay. Ba xã Kỳ Sơn, Tương An, Tú Viên chuyên dệt chiếu hoa, chiếu trắng. Giang phận xã Trà Đoá có vỏ trai.

Khí hậu:

Tháng giêng, tháng 2 gió đông về, tháng 3, 4 mưa ít, nắng nhiều. Các tháng 5, 6, 7 gió nam thổi mạnh, nắng gắt. Các tháng 8, 9, 10 gió đông bắc thổi, mưa lụt ngập úng, tháng 11, 12 mưa phùn, rét nhiều. Đại khái cũng giống các huyện khác trong phủ.

Núi sông:

Trong huyện có núi Chóp Chài thuộc địa phận hai xã La Nga, Vinh Huy tổng Việt An. Núi này cao hơn các núi khác xung quanh. Cùng thuộc tổng Việt An còn có núi Kinh Sơn và núi Lạc Sơn ở địa phận xã Việt An, núi Côn Côn ở địa phận xã Hội Trường. Núi Lung Sơn ở địa phận phường Na Sơn tổng Đông An. Còn lại đều là những núi thấp chỉ để lấy than củi.

-Một dòng sông lớn từ cửa tán Đại Chiêm qua 4 xã thôn Trà Lộ, Lạc Cầu, Vân Đoá, Kỳ Trân, chảy về phía nam đến giáp giang phận huyện Hà Đông, dài hơn 34 dặm trượng, rộng 16 trượng 1 thước. Triều lên sâu trên dưới 2 trượng, triều xuống sâu trên dưới 1 trượng 7 thước.

-Một dòng sông nhỏ từ chân núi thôn Đông Linh chảy xuống đến xã Kế Xuyên, chảy qua đường quan lộ (có cầu Công), chảy vào giang phận xã An Thới hợp một nhánh với sông lớn, dài hơn 19 dặm trượng, rộng trên dưới 3 trượng, sâu trên dưới 1 trượng.

-Một dòng sông lớn (tục gọi là sông Tranh) phía nam từ xã Vĩnh An Tây giáp giới huyện Hà Đông chảy về phía tây bắc, qua 3 xã Na Sơn, Mỹ Đàm, Đông An chảy đến xã Phước Sơn, dài hơn 50 dặm trượng, rộng trên dưới 10 trượng, sâu trên dưới 2 trượng.

-Một dòng sông lớn (tục gọi là sông Hoành) phía nam từ xã Thanh Bôi giáp địa giới huyện Hà Đông chảy về phía tây bắc, qua xã Tài Thành, đến các xã An Lâm, An Vinh, Phú Toàn, hợp với sông Tranh, dài hơn 32 dặm, rộng trên dưới 3 trượng, sâu trên dưới 1 trượng.

-Một dòng sông nhỏ (tục gọi là Phù Giang) đầu nguồn ở chân núi Chóp Chài, từ xã Ngọc Lâm chảy về phía tây bắc, qua Việt An, Hội Tường đến xã Đông An, hợp với một nhánh sông lớn, dài hơn 21 dặm, rộng trên dưới 2 trượng, sâu trên dưới 3 thước.

Danh thắng:

-Ao Vuông (Phương Trì): ở xã Xuân Sơn. Bốn phía là bờ đất cao, ở giữa là nước, dù gặp hạn lớn cũng không cạn.

-Giếng Trống (Cổ Tỉnh): ở địa phận xã Trà Đoá. Ba phía đông, nam, bắc đều là cát trắng, hơi cao, dù bị mưa vùi gió dập mà giếng cũng không bị lấp tắc. Phía tây tiếp với sông lớn, tuy bị nước mặn tràn vào, nhưng nước giếng vẫn rất ngọt. Các thuyền vào nam ra bắc đều ghé vào đây lấy nước.

Đường đi:

-Một đường quan lộ phía bắc từ bãi cát trắng giáp huyện Quế Sơn đi về phía nam, đến xã Hoà Mỹ ở địa giới huyện Hà Đông, dài 28 dặm trượng, rộng hơn 1 trượng.

-Một đường nhỏ từ huyện lỵ đi về phía đông bắc, qua xã Hà Lam, đến địa phận xã Liễu Trì giáp đường quan lộ, dài hơn 1 dặm trượng.

-Một đường nhỏ từ huyện lỵ đi về phía tây, qua Đông Thới, Phú Cương, Xuân Mỹ, Mỹ Hoà, Tân Thanh, Xuân Sơn Đông, Đông Dương, Nho Lâm, Xuân Thới, Lộc Sơn, Bình Sơn, Hiền Lộc, Việt An đến bến đò xã Đông An hơn 57 dặm trượng, rộng hơn 3 thước.

-Một đường nhỏ từ huyện lỵ đi về phía nam, qua các xã thôn Hà Lam, Trà Oánh, Phú Thành, Thanh Sơn, Bình An Tây, Thanh Đăng, An Trường, Phước Hà, Phước Cương, Đông Linh, Hương Lâm, Phú Trường đến giáp giới xã Cẩm Y huyện Hà Đông, dài hơn 5 dặm trượng, rộng hơn 5 thước.

-Một đường nhỏ từ huyện lỵ đi về phía đông nam, qua xã Hà Lam đến giáp quan lộ, dài hơn 2 dặm trượng, rộng 3 thước.

-Một đường nhỏ từ xã Việt An đi về phía tây nam đến núi Lung Sơn thuộc địa phận phường Na Sơn, dài hơn 26 trượng, rộng hơn 5 thước.

Trong huyện hạt có:

Đồn An Lương: đối diện cửa tấp Đại Chiêm ở địa phận xã An Lương tổng An Thịnh.

Trạm Nam Ngọc: ở địa phận xã Ngọc Phô tổng Phú Mỹ.

HUYỆN QUẾ SƠN

Huyện Quế Sơn do phủ Thăng Bình thống hạt. Huyện lỵ ở xã Hương Lộc tổng Xuân Phú Trung, xung quanh trồng cọc rào, mỗi chiều 6 trượng, chu vi 24 trượng, mở một cửa trước.

Huyện hạt¹ phía đông đến biển, giáp giới hai huyện Lễ Dương, Duy Xuyên; phía tây giáp sách Man nguồn Thu Bồn, phía nam giáp giới huyện Lễ Dương, phía bắc giáp giới huyện Duy Xuyên.

Đông tây cách nhau hơn 64 dặm. Nam bắc cách nhau hơn 14 dặm.

Huyện có 5 tổng, gồm 108 xã, thôn, phường:

1-Tổng Xuân Phú Trung, 32 xã, thôn:

- | | | | |
|----------------|-----------------|----------------|-------------------|
| 1.Xã Xuân Phú | 2.Xã Dưỡng Chân | 3.Xã Mông Lĩnh | 4.Xã Phú Trạch |
| 5.Xã Mông Nghệ | 6.Xã Hương Lô | 7.Xã Thạch Khê | 8.Xã Phú Xuân Tây |

¹ Huyện Quế Sơn 桂山縣: Nguyên là đất hai huyện Duy Xuyên và Lễ Dương, năm Minh Mệnh 17 (1836) trích 4 tổng huyện Duy Xuyên và 1 tổng huyện Lễ Dương đặt làm huyện Quế Sơn thuộc phủ Thăng Hoa. Nay là đất huyện Quế Sơn tỉnh Quảng Nam.

- | | | | |
|------------------------|---------------------|--------------------|-------------------|
| 9.Xã Phú Thới | 10.Xã Phước Chỉ | 11.Xã Trà Đình | 12.Xã Hương An |
| 13.Xã An Tráng | 14.Xã Khánh Đức | 15.Xã Đức Giáo | 16.Xã Sơn Dương |
| 17.Xã Phước Đức | 18.Xã Phước Ninh | 19.Xã Xuân Phú Nam | 20.Xã Đông Thành |
| 21.Xã Phước Sơn Thượng | 22.Xã Chính Tây | 23.Xã Thành An | 24.Xã Phong Đăng |
| 25.Xã Hương Quế | 26.Xã Xuân Phú Đông | 27.Xã Phú Cường | 28.Xã Hương Phước |
| 29.Xã An Xuân | 30.Thôn Phú Trang | 31.Xã Hương Lộc | 32.Xã Hoà Mỹ |

3-Tổng Quảng Đại Thượng, 28 xã, thôn:

- | | | |
|-------------------------------|---------------------------|---------------------------|
| 1.Xã Quảng Đại | 2.Xã Tân An (Tứ chiếng) | 3.Xã Đại Phong |
| 4.Thôn Khánh Bình | 5.Xã Xuân Hương | 6.Xã Trang Điền |
| 7.Thôn Đông Phước (Tứ chiếng) | 8.Xã Trung An (Tứ chiếng) | |
| 9.Thôn Nhũ Sơn (Tứ chiếng) | 10.Xã Thạch Bích | |
| 11.Thôn Xuân An (Tứ chiếng) | 12.Xã Đại Bình | 13.Xã Phước Hội |
| 14.Xã Phú Gia (Tứ chiếng) | 15.Thôn Trung Phước | 16.Xã Trung An Chánh |
| 17.Xã Phước Bình | 18.Xã Trung Lộc Tây | 19.Xã Bình An (Tứ chiếng) |
| 20.Xã Trung Phước | 21.Xã Thọ Lâm | 22.Xã Đăng Xuân |
| 24.Xã Khánh Vân Đông | 25.Xã Trung Lộc Đông | 26.Thôn Trung An |
| 28.Thôn Thanh Đơn | | 27.Xã Ô Da |

4-Tổng Thuận An Trung, 26 xã, thôn:

- | | | | |
|----------------------|------------------------|---------------------|---------------------|
| 1.Xã Thuận An | 2.Xã Ngô Cương Đông | 3.Xã Gia Lộc Thượng | 4.Xã Lĩnh An |
| 5.Xã Thắng Sơn Đông | 6.Xã Xuân An Thượng | 7.Thôn Tân An | 8.Xã Gia Lộc Trung |
| 9.Xã Gia Lộc Đại | 10.Xã Bàn Thạch Thượng | 11.Xã Gia Cát | |
| 12.Xã Phước Long | 13.Xã Ngô Cương Tây | 14.Xã Phú Bình | 15.Xã Phú Cốc |
| 16.Xã Trà Sơn Thượng | 17.Thôn An Sơn | 18.Xã An Cường | 19.Xã Thắng Sơn Tây |
| 20.Xã Bình Hoà | 21.Xã Phước Sơn | 22.Xã Châu Sơn | 23.Thôn Hương Khuê |
| 24.Thôn Nhơn Trạch | 25.Xã Võ Xá | 26.Xã An Tây | |

5-Tổng An Mỹ, 11 xã, thôn, phường:

- | | | | |
|----------------------|----------------------|-------------------|------------------|
| 1.Pường An Mỹ | 2.Xã Cẩm Sơn | 3.Pường An Lộc | 4.Thôn Diên Bình |
| 5.Xã Phú Thứ Thượng | 6.Xã Phú Thứ Hạ | 7.Thôn Mỹ Lưu | 8.Thôn Đại Tráng |
| 9.Xã Nghi Lộc Thượng | 10.Xã Nghi Lộc Trung | 11.Xã Nghi Lộc Hạ | |

6-Tổng Ngọc Sơn, 11 xã, thôn, phường:

- | | | | |
|-----------------------|-------------------|-------------------|---------------------|
| 1.Xã Ngọc Sơn | 2.Xã Đông Hạm | 3.Xã Hương An | 4.Xã Thạch Tân |
| 5.Pường Phước Lộc | 6.Xã Tịch An Đông | 7.Pường Đông An | 8.Pường Tịch An |
| 9.Pường Tịch An Trung | | 10.Thôn Thanh Trà | 11.Thôn Thượng Bình |

Nhân số hiện ghi trong sổ: 9.310 người. Trong đó:

-Chức sắc, thí sai, miễn sai các hạng: 2.636 người. Trong đó:

Lính tuyển: 1.398 người.

Thợ tuyển: 354 người (thợ xảm thuyền).

-Miễn đao dịch các hạng: 112 người.

-Chính nạp các hạng: 6.309 người.

-Biệt nạp sắt tời: 250 người.

-Biệt nạp hộ yếm: 1 người.

-Lê hậu: 1 người.

Ruộng đất hiện thu thuế: 17.474 mẫu 5 sào 14 thước 7 tấc 8 phân 3 ly.

Trong đó:

-Ruộng: 15.182 mẫu 5 sào thước 7 tấc 8 phân 3 ly.

-Đất: 2.292 mẫu 3 thước.

Thuế cả năm nộp bằng tiền: 15.626 quan 4 tiền 35 đồng tiền. Trong đó:

-Thuế ruộng đất nộp bằng tiền: 7.127 quan 4 tiền 35 đồng tiền.

-Thuế đinh: 8.499 quan.

Thuế ruộng cả năm nộp bằng thóc (tô): 12.210 hộc 18 thưng 2 vốc 7 nắm 3 lể.

Thuế sắt tời cả năm: 7.170 cân.

Phong tục:

Kể sĩ cũng như thứ dân ăn mặc không chuộng xa hoa. Tục cưới xin, tang ma, cúng tế tuy hoàn cảnh từng nhà làm to hay nhỏ, cũng có những nơi chuộng ca hát. Dân phần nhiều chăm chỉ giữ gốc nghề nông, ít người chạy theo nghề ngọn buôn bán. Phong tục đại khái như vậy. Dân theo đạo Thiên chúa thì chỉ ở xã Phú Cường có vài người mà thôi.

Sản vật:

Trong huyện mỗi năm có ba vụ lúa hè, lúa thu, lúa cạn. Vụ hè tháng 10 xuống cấy, tháng 3 thu hoạch. Vụ thu tháng 5 xuống cấy, tháng 8 thu hoạch. Vụ lúa cạn tháng 4, 5 gieo hạt, tháng 10 thu hoạch. Nam trên sản ở xã Xuân Hương. Vỏ quế, thuốc lá sản ở nguồn Thu Bồn đều thuộc hạng ngon tốt. Thôn Đại Tráng có sa nhân. Hai xã Nhân An, Xuân Trung Lộc có mỏ sắt. Hai xã Trung Phước, Nghi Lộc Trung có dầu cháy. Tổng Xuân Phú Trung vài nơi có mật thô. Các sản vật khác như khoai, đậu, vò đay thì các nơi trong huyện đều có, cũng như các huyện khác.

Khí hậu:

Tháng giêng khí lạnh lui, gió đông về. Tháng 2, 3 ít mưa nhiều nắng. Các tháng 4, 5, 6 gió nam hun thổi, khí trời nóng đốt. Các tháng 8, 9, 10 gió bắc thổi mạnh, thường có gió bão, mưa lụt. Tháng 11, 12 lạnh rét. Khi nào thấy gió lạnh nổi lên từ núi Tào Sơn, núi Liên Chủ, khe suối kêu ù ù thì hôm ấy mây ùn từ trong hang núi, quanh vùng phần nhiều có mưa.

Núi sông:

Trong huyện, núi có tên thì xã Hương Quế có núi Cửu Phong, xã Trung Phước có núi Kha Tang, xã Châu Sơn có núi Châu Sơn, xã Gia Lộc Đại có núi Tào Sơn, núi Liên Chủ; xã An Tây có núi Chung Sơn; xã Phước Ninh có núi Đông Sơn; xã Phước Sơn có núi Thương Sơn, xã Hương Phước có núi Mậu Sơn; xã Phú Cốc có núi Bắc Sơn; xã Nhữ Sơn (Tứ chiếng) có núi Nhữ Sơn; xã Dưỡng Chân có núi Thổ Sơn; xã Ngọc Sơn có núi Lãng Sơn. Ngoài ra đều là những núi thấp lầy than củi.

-Một sông lớn (tục gọi là sông Tranh từ thôn Phú Nhơn (thuộc huyện Lê Dương) chảy về phía tây đến địa phận hai xã Bình Hoà, Phước Sơn, chảy thông đến địa phận xã Trung Phước thì đổ xuống; lại chảy tiếp về phía bắc, đến bến đò xã Dưỡng Chân giáp giang phận thôn Tân Mỹ Đông huyện Duy Xuyên, dài hơn 57 dặm trượng, rộng 7 trượng, sâu trên dưới 3 thước.

-Một sông nhỏ từ địa phận hai xã Gia Cát, Phước Long đổ xuống đến hai thôn xã Phú Cường, Thạch Khê, chảy thông đến giang phận xã Trà Đình, giáp giang phận xã An Lạc huyện Duy Xuyên, dài hơn 47 dặm trượng, rộng hơn 5 trượng, sâu trên dưới 2 thước.

Danh thắng:

Trong huyện không có danh thắng, chỉ có một vũng Ao Nước Nóng ở địa phận xã Phước Bình tổng Quảng Đại Thượng. Ao này nước trong mà ngọt, dài 3 trượng, rộng 1 trượng, sâu trên dưới 3 thước, bốn mùa nước trong ao đều nóng sủi; mùa thu mùa đông hơi nước như khói bốc lên trên mặt ao; xuân, hè thì ít hơn. Ếch rắn nếu có con nào nhảy vào ao thì bị chết ngay.

Đường đi:

-Một đường quan lộ phía bắc từ bến đò xã Dưỡng Chân giáp thôn Tân Mỹ Đông huyện Duy Xuyên, phía nam đến bến đò xã Hương An giáp xã Thanh Ly huyện Lễ Dương, dài hơn 14 dặm trượng, rộng hơn 1 trượng.

-Một con đường nhỏ từ huyện lỵ đi về phía tây nam, đến đôn nguồn Thu Bồn ở xã Phước Sơn, giáp gần sách Man, dài hơn 59 dặm trượng, rộng hơn 3 thước.

-Một đường nhỏ từ huyện lỵ đi về phía bắc, đến giáp xã Mậu Hoà huyện Duy Xuyên, dài hơn 10 dặm trượng, rộng hơn 2 thước.

-Một đường nhỏ từ huyện lỵ đi về phía đông bắc, đến đường quan lộ rồi đi thẳng đến xã An Lạc giáp giới huyện Duy Xuyên, dài hơn 5 dặm trượng, rộng hơn 3 thước.

-Một đường nhỏ từ xã Thuận An tổng Thuận An thuộc bản huyện đi về phía tây bắc đến giáp giang phận xã Trung Phước, dài hơn 31 dặm trượng, rộng hơn 3 thước.

-Một tẩn sở nguồn Thu Bồn ở địa phận xã Phước Sơn tổng Thuận An.

HUYỆN HÀ ĐÔNG

Huyện Hà Đông do phủ Thăng Bình thống hạt. Huyện lỵ ở địa phận xã Tam Kỳ tổng Chiên Đàn Trung. Xung quanh huyện lỵ đắp thành đất hình vuông, mỗi chiều 21 trượng 5 thước, chu vi 86 trượng, cao 6 thước, dày 4 thước 3 tấc. Ngoài thành bốn phía đều có hào rộng 8 thước 1 tấc, sâu 3 thước. Cổng nha môn xây gạch, trước sau đều mở một cửa. Huyện đường lợp ngói, giữa sân phía trước dựng cột cờ (cao 3 trượng 9 thước), phía sau về bên phải có 1 nhà kho nhỏ 5 gian lợp ngói.

Huyện hạt¹ phía đông ra đến biển, phía tây giáp Man động ở sông Tranh, phía nam giáp giới huyện Bình Sơn tỉnh Quảng Ngãi, phía bắc giáp giới huyện Lễ Dương.

Đông tây cách nhau 94 dặm. Nam bắc cách nhau hơn 77 dặm.

Huyện có 6 tổng, gồm 223 xã, thôn, phường:

1-Tổng Tiên Giang Thượng, 55 xã, thôn:

- | | | |
|-------------------------------|-----------------------------|------------------------------|
| 1.Xã Tiên Giang | 2.Xã Bình An Xuân | 3.Giáp Đông xã Tân An Thượng |
| 4.Xã Phước Lâm | 5.Thôn Đại An | 6.Thôn Trường An Tây |
| 7.Xã Trung Sơn Bình An | | |
| 8.Xã An Sơn (mới lập) | 9.Giáp Tây xã Tân An Thượng | 10.Xã Đại An Trung Sơn |
| 11.Xã Ngọc Giáp | 12.Xã Mỹ An Thượng | 13.Thôn Hoà Bình |
| 14.Xã Thịnh An | | |
| 15.Thôn Sơn An | 16.Xã Tài Đa | 17.Xã Phú Mỹ Thượng |
| 18.Xã Trùng Lâm | | |
| 19.Xã Tú Sơn | 20.Thôn Trung An | 21.Xã Tích Phước |
| 22.Xã Thanh Lâm | | |
| 23.Thôn Đức Tân Thượng | | 24.Xã Mậu Long |
| 25.Thôn Hội An | | |
| 26.Thôn Thanh Trúc | 27.Xã Phụ An | 28.Xã Hương Xá |
| 29.Thôn Địch An Tây | | |
| 30.Xã Đại An Thượng | 31.Thôn Động Nga | 32.Thôn Tà My |
| 33.Xã Hội Lâm | | |
| 34.Thôn Vĩnh Ninh | 35.Xã Dương Hoà Thượng | 36.Xã Hoà An Tân |
| 37.Xã Dương An | 38.Thôn Mậu Kha | 39.Xã Thanh Bôi |
| 40.Thôn Hương Lâm (Tứ chiếng) | | 41.Thôn Hương Lâm |
| 42.Thôn Lộc An | | |
| 43.Xã Thạnh Bình | 44.Xã Trà Khương | 45.Xã An Xá |

¹ Huyện Hà Đông 河東縣: Xưa là đất Chiêm Động, đời Hồ là đất thuộc châu Hoa. Thời Lê Thánh Tông thành lập huyện Hà Đông, cùng với hai huyện Lê Giang và Hi Giang đặt thuộc phủ Thăng Hoa thừa tuyên Quảng Nam (1466). Nay thuộc thị xã Tam Kỳ và huyện Núi Thành tỉnh Quảng Nam.

- 46.Xã Bình An (mới lập) 47.Xã Quế Phương 48.Xã Bàn An
 49.Xã Vĩnh An Đông 50.Thôn Tà My Thượng 51.Xã Địch An
 52.Xã Phú Vinh Thượng 53.Xã Phú Thạnh Thượng
 54.Thôn An Hoà Thượng 55.Thôn Hoà An Tân

2-Tổng Đức Hoà Trung, 54 xã, thôn, phường, ấp:

- 1.Xã Thuận An Đông 2.Thôn Đức An 3.Xã Thuận An Tây
 4.Thôn Trung Đàn Thượng 5.Xã Tư An 6.Xã Phú Lân Trung
 7.Xã An Lâu 8.Xã Phú Thọ Đông 9.Thôn Xuân Bình 10.Xã Minh Sơn
 11.Xã Phú Ninh 12.Thôn Trung Kiên 13.Xã Phước Lợi 14.Xã Phú Lân Đông
 15.Xã Thịnh Lợi 16.Xã Đan Quế 17.Xã Phước Khách 18.Thôn Xuân Vinh
 19.Xã Đức Phú 20.Thôn Trung Đàn 21.Xã Ngọc Nha 22.Ấp An Tân
 23.Thôn Trà Tây 24.Thôn Hoà Mỹ Thượng 25.Thôn Thạnh Hoà
 26.Xã Thạnh Mỹ Trung 27.Xã Trường Cửu 28.Xã Bình An Nội 29.Xã An Trung
 30.Xã Bình An Trung 31.Thôn Đức Bó 32.Thôn Bích Ngõ 33.Xã Hoà Vân
 34.Thôn Trung Chánh 35.Xã Tinh Sơn 36.Thôn Bông Miêu¹ 37.Thôn Ngọc Thụ
 38.Xã Thọ Khương 39.Thôn Sung Mỹ 40.Xã Diêm Phố 41.Xã Thạch Kiều
 42.Xã Phú Quý Đại 43.Xã Đường An 44.Thôn Đa Bảo
 45.Xã Phú Quý Ngọc Giáp 46.Xã Vân Trai 47.Xã Phụ Tài
 48.Ấp Bái Nhơn 49.Thôn Thạch Kiều 50.Xã Xuân Trì 51.Phuờng Thạnh Mỹ
 52.Xã Tịch An Tây 53.Xã Khương Mỹ 54.Xã Trung Đạo

3-Tổng Vinh Quý Trung, 48 xã, thôn, ấp:

- 1.Xã Khánh Mỹ 2.Xã Tú Chàng 3.Xã Phò Cẩm 4.Xã Bình An
 5.Xã Cẩm Phô 6.Ấp Lam Điền 7.Xã Đại Đông Thượng 8.Thôn An Toàn
 9.Xã Đại Đông Tây 10.Xã Lộc Sơn 11.Xã Vĩnh Ninh 12.Xã Lai Cách
 13.Xã Phú Nhiêu 14.Xã Cẩm An 15.Xã Vinh An 16.Xã Khánh Lộc
 17.Xã Vĩnh An (Tứ chiếng) 18.Thôn Thụ Đức 19.Xã Đại Đông
 20.Xã Trung Thuận 21.Xã Trung An Tân 22.Ấp Lộc Sơn 23.Xã Phú Mỹ
 24.Xã Bình Thạnh 25.Xã Ngọc An 26.Xã Thạnh Đức 27.Xã Tân Hội An Lộc
 28.Xã Vĩnh Phước 29.Xã Trường Thành 30.Thôn Tú An 31.Xã Phú Quý Thượng
 32.Xã Cẩm Y 33.Xã An Tráng 34.Xã Lâm Môn 35.Xã Thành Mỹ
 36.Xã An Sơn (mới lập) 37.Xã Cẩm Sơn 38.Xã Đại Đông Đông 39.Xã Bình An Văn Hà
 40.Xã Phú Thị 41.Giáp Đông xã Xuân Lộc 42.Xã Cẩm Long
 43.Xã Vĩnh An Tây 44.Xã Cẩm Y Đông 45.Xã Tây Lộc 46.Xã Cẩm Khê
 47.Giáp Tây xã Xuân Lộc 48.Xã Xuân Lộc

4-Tổng Chiên Đàn Trung, 31 xã, thôn:

- 1.Xã Chiên Đàn 2.Giáp Tây xã Khánh Thọ 3.Xã An Mỹ Đông
 4.Xã Long Sơn 5.Thôn An Đàn Đông 6.Xã Trường Xuân 7.Thôn Dương Đàn
 8.Giáp Đông xã Khánh Thọ 9.Xã An Mỹ Tây 10.Thôn An Đàn Tây
 11.Xã Phú Xuân Trung 12.Xã Đan Trung 13.Thôn Trung Định 14.Xã Tân An
 15.Xã Xuân An 16.Xã Dương Lâm 17.Xã Tam Kỳ 18.Xã Hoà Mỹ Tây
 19.Xã Phú Trạch 20.Xã Phú Trà 21.Xã Phương Hoà 22.Xã Thạnh Mỹ
 23.Xã Mỹ Thạch 24.Thôn Đàn Trung 25.Xã Đại Hanh 26.Xã Cửu An
 27.Thôn Mỹ An 28.Xã Khánh Dụ 29.Xã Dưỡng An 30.Thôn Ngọc Anh

¹ Thôn Bông Miêu: 芄苗, quen đọc là Bông Miêu.

31.Xã Tân Phước

5-Tổng An Hoà, 21 xã, thôn, phường:

- | | | | |
|------------------------------|------------------------|------------------|-------------------|
| 1.Xã An Hoà | 2.Xã Tiên Quả | 3.Xã Nghi Xuân | 4.Xã Phú Vang |
| 5.Thôn Vĩnh Đại | 6.Thôn Ngao Tân | 7.Xã Trà Lý Đông | 8.Xã Trà Lý Tây |
| 9.Pường Trung xã Hoà Thanh | 10.Xã Diêm Điền | | |
| 11.Pường Hạ xã Hoà Thanh | 12.Xã Phương Tân | 13.Xã Tĩnh Thủy | |
| 14.Xã Phước Lộc | 15.Pường Vĩnh Giang | 16.Thôn Hà Bá | 17.Xã Phước Xuyên |
| 18.Pường Bình An | 19.Thôn Phú Quý Thượng | | |
| 20.Pường Thượng xã Hoà Thanh | 21.Thôn Vĩnh An | | |

6-Tổng Phú Quý Hạ, 14 xã, thôn, phường:

- | | | | |
|----------------------------|---------------------|---------------------------|------------------|
| 1.Xã Bảo Phước | 2.Xã Mỹ Ngọc | 3.Xã Định Phước | 4.Xã Tân Lộc Tây |
| 5.Xã Xuân Phú | 6.Xã Phú Quý Hạ | 7.Xã Tân Lộc Ngọc Giáp | |
| 8.Xã Tân Lộc | 9.Xã Phú Hưng | 10.Xã Kim Đới | 11.Xã Phú Hoà |
| 12.Thôn Bình An xã Sài Tân | 13.Thôn Phú Xuân Hạ | 14.Xã Bình An Diêm Trường | |

Nhân số hiện tịch: 9.100 người. Trong đó:

-Chức sắc, thí sai, miễn sai các hạng: 1.664 người. Trong đó:

Lính tuyển: 1.105 người.

Thợ tuyển: 113 người (thợ xảm thuyền).

Miễn đao dịch các hạng: 73 người.

Chính nạp các hạng: 3.969 người.

-Biệt nạp thuế vàng: 3.331 người.

Biệt nạp sắt tôi: 62 người.

Lê hậu: 3 người.

Ruộng đất hiện thu thuế: 24.379 mẫu 7 sào 8 thước 1 tấc 1 phân 8 ly.

Trong đó:

-Ruộng: 22.592 mẫu 5 sào 6 thước 3 tấc 9 phân 9 ly.

-Đất : 1.787 mẫu 2 sào 1 thước 7 tấc 4 phân 9 ly.

Thuế đình điền cả năm: 14.032 quan 2 tiền 55 đồng tiền. Trong đó:

-Thuế đình: 5.096 quan 3 tiền.

-Thuế ruộng đất: 8.935 quan 9 tiền 55 đồng tiền.

Thuế vàng cả năm là 622 lượng 1 tiền (chiết nộp bằng vàng 1 tiền vàng giá 8 quan tiền), thành: 49.768 quan tiền.

Thuế sắt tôi cả năm: 1.710 cân.

Thuế ruộng cả năm nộp bằng thóc (tò): 17.365 học 3 thăng 1 vốc 9 nắm 5 lẻ 9 nhúm.

Phong tục:

Dân trong huyện hiếu chuộng văn nhã, lấy nông tang làm nghề nghiệp. Nơi gần núi, dân làm nghề đốt than đốn củi. Dân gần biển thì buôn bán, đánh cá. Việc thờ thần cúng Phật cùng là lễ nghi cưới xin tang ma tốn phí hay tiết kiệm tùy theo hoàn cảnh, cũng giống như các huyện khác trong tỉnh.

Sản vật:

Địa thế của huyện hạt rộng rãi, phân nhiều gần núi rừng, rải rác có hổ, chó sói, tê giác, voi, hươu, nai, lợn lòi, gà rừng, chim công.

Lúa thì một năm có ba vụ hè, thu và vụ lúa cạn. Vụ hè tháng 10 cấy, tháng 3 thu hoạch. (Vụ thu tháng 5 cấy, tháng 8 thu hoạch. Vụ lúa cạn tháng 4, 5 gieo hạt, tháng 10 thu hoạch). Khoai, đậu tụy

theo thổ nghi từng nơi mà trồng. Tổng Tiên Giang Thượng phân nhiều trồng cây quế, tổng Đức Hoà Trung phân nhiều trồng Nam trà (chè vàng), dứa thì trồng nhiều ở tổng Chiên Đàn, sa nhân sản ở tổng Vinh Quý. Xã Cẩm Sơn làm nón tre. Ba xã Phú Ninh, Đường An, Phú Lâm Trung tổng Đức Hoà sản xuất mật thô. Muối thô ở Ba xã Diêm Phố, Bình An Diêm Trường, Phú Vinh có nghề làm muối. Xã Phú Xuân Trung luyện sắt sống, sắt rèn. Các xã gần biển có nghề làm nước mắm, nhưng nước mắm xã An Hoà (tục gọi là Bàn Thán) là ngon hơn cả. Hai xã Chiên Đàn, Mỹ Thạch dệt chiếu trơn. Đá ong sản ở ba tổng Chiên Đàn, Vinh Quý, Đức Hoà.

Khí hậu:

Tháng giêng, tháng 2 thường có gió bắc lạnh rét, mù núi bay ra. Tháng 3, tháng 4 gió đông thổi vào, ít mưa, trời tạnh. Các tháng 5, 6, 7 gió nam thổi mạnh, nắng nóng hầm hập, các tháng 8, 9, 10 gió bắc dài ngày, mưa to lũ lụt, thỉnh thoảng có bão. Tháng 11, 12 các đợt khí lạnh liên tiếp, mưa phùn. Khí hậu thông thường là như thế. Ngoài ra thì địa thế gần biển, thuỷ triều lên xuống cũng giống như các huyện khác.

Núi sông:

Trong huyện hạt nhiều núi, nhưng chỉ là những núi do dân làng đặt tên, không có núi nào cao lớn, tuy nhiên đều theo tục của làng mà đặt tên. Duy có núi Chủ Sơn, núi Kim Khoáng (Mỏ Vàng), núi Tà My, núi Thiết Khoáng (Mỏ Sắt), núi Bông Miêu, núi Dương Đàn, núi Bàn Thán, núi Qui Bối là những núi có hình thế, sản vật khá đặc sắc. Còn lại chỉ là những núi thấp để đốt than kiếm củi mà thôi.

Núi Chủ Sơn liên tiếp chạy tới các sách của người Man. Hình thế núi cao ngút. Những khi trên trời có mây đen thì trong núi có chỗ đọng tuyết trắng. Quả đúng là một ngọn núi tổ phát mạch cho cả vùng. Núi Kim Khoáng (Mỏ Vàng) thuộc địa phận thôn Vĩnh Ninh tổng Tiên Giang. Núi Tà My thuộc địa phận thôn Tà My tổng Tiên Giang, phần nhiều trồng quế. Núi Thiết Khoáng thuộc địa phận hai tổng Đức Hoà, Chiên Đàn; dân xã Phú Xuân Trung chịu thuế luyện sắt. Núi Bông Miêu thuộc địa phận thôn Bông Miêu tổng Đức Hoà. Núi Dương Đàn thuộc địa phận thôn Chiên Đàn tổng Chiên Đàn. Ở hai núi ấy đều có miếu thiêng. Núi Bàn Thán thuộc địa phận xã An Hoà tổng An Hoà, núi chạy dài như hình chữ nhất chắn ngang cửa biển Đại Áp. Núi Qui Bối (Lưng Rùa) thuộc địa phận thôn Phú Xuân Hạ tổng Phú Quý.

-Một con sông phía bắc giáp giới huyện Lê Dương, từ xã Phương Tân chảy về phía nam đến hai cửa tán Tiểu Áp, Đại Áp, dài hơn 56 dặm trượng, rộng hơn 8 trượng 6 thước, triều lên sâu trên dưới 2 trượng 1 thước, triều xuống sâu trên dưới 1 trượng 7 thước.

-Một con sông từ trong núi thôn Thanh Trúc chảy lên phía bắc, chảy qua xã Trung Sơn Bình An thì hợp dòng chảy đến địa phận hai thôn Tú An và Trung An Tân giáp xã Đại Tráng huyện Lê Dương, dài hơn 27 dặm trượng, rộng 2 trượng 4 thước, có nơi 3 trượng, rộng hẹp không đều nhau. Sâu trên dưới 1 trượng không bằng nhau.

-Một con sông từ trong núi thuộc địa phận hai thôn Trung Chính, Phú Thọ chảy về phía đông đến sông Tam Kỳ, dài hơn 32 dặm trượng, rộng hơn 19 trượng. Triều lên sâu trên dưới 1 trượng 3 thước, triều xuống sâu trên dưới 1 trượng 1 thước.

-Một con sông từ nguồn Tỉnh Sơn chảy về phía đông, qua ấp An Tân đến cửa tán Đại Áp, dài hơn 53 dặm trượng, rộng 3 trượng 1 thước; sâu trên dưới 1 trượng 2 thước.

-Một con sông từ trong núi hai thôn Thạch Kiều, Đức Bối chảy về phía đông bắc qua bến đò Bảo Phước, quanh co chảy về phía đông đến cửa tán Đại Áp, dài hơn 62 dặm 17 trượng, rộng hơn 5 trượng. Triều lên sâu 1 trượng 2 thước, triều xuống sâu trên dưới 9 thước.

-Một con sông từ trong núi xã Cẩm An chảy về phía đông qua cầu Hoà Mỹ, quanh co chảy qua trước huyện lỵ rồi chảy về phía đông nam đổ xuống cửa tán Đại Ấp, dài hơn 87 dặm 87 trượng, rộng hơn 2 trượng. Triều lên sâu trên dưới 9 thước, triều xuống sâu trên dưới 7 thước.

-Một con sông từ trong núi thôn Bông Miêu chảy về phía tây bắc, qua xã Trung Sơn Bình An thì hợp dòng, dài hơn 42 dặm 18 trượng, rộng 1 trượng 2 thước, sâu hơn 6 thước.

-Một con sông tục gọi là sông Tranh, phía nam giáp giới sơn phận huyện Bình Sơn tỉnh Quảng Ngãi chảy về phía bắc đến phường Mỹ Đàm giáp giới huyện Lê Dương, dài hơn 87 dặm 116 trượng, rộng trên dưới 2 trượng 3 thước, có nơi rộng 1 trượng 8 thước; sâu trên dưới 9 thước, có nơi sâu 1 trượng 8 thước, có nơi chỉ sâu 4 thước (vì lòng sông có đá lớn nhỏ hoặc đất cát).

-Một con sông từ trong núi ấp Bái Nhơn chảy về phía bắc đến hai thôn Tiên Quả, Vĩnh Đại, dài trên dưới 14 dặm 21 trượng 7 thước; rộng trên dưới 1 trượng 4 thước. Triều lên sâu trên dưới 8 thước.

Một con sông từ núi Sơn Trung ở thôn Thanh Trúc chảy về phía bắc, qua xã Trung Sơn, Bình An hợp lại chảy đến 2 thôn Tú An Trung, An Tân, giáp xã Đại Tráng huyện Lê Dương dài hơn 27 dặm, rộng 2 trượng 4 thước, hoặc có nơi là 3 trượng, rộng hẹp không đều nhau, sâu trên dưới 1 trượng không như nhau.

Danh thắng:

-Huyện hạt có 2 ngôi miếu (lộ ngôi) ở địa phận hai thôn Dương Đàn, Bông Miêu. Nguyên từ trước những người dân đãi vàng cứ đầu xuân thì đến hội tế, sau đó mới chia nhau đi các nơi tìm đãi vàng. Đến nay vẫn còn thờ cúng.

-Hai ngôi tháp cổ nguyên là di vật của người Nùng Thổ (?)¹:

Một tháp ở địa phận xã Tú Chàng tổng Vinh Quý.

Một tháp ở địa phận xã Khương Mỹ tổng Đức Hoà.

-Một con nghề đá ở địa phận xã Tú Chàng tổng Vinh Quý nguyên là di vật của người Nùng Thổ (?).

Đường đi:

-Một đường quan lộ từ xã Tú Chàng giáp giới huyện Lê Dương đi về phía nam qua các trạm Nam Kỳ, Nam Vân đến xã Hoà Vân cột mốc giáp giới huyện Bình Sơn tỉnh Quảng Ngãi, dài hơn 77 dặm trượng.

-Một đường nhỏ từ huyện lỵ đi về phía tây, qua nguồn Chiên Đàn, đến đồn điền Đại An, dài hơn 59 dặm 16 trượng.

-Một con đường nhỏ từ đường quan lộ ở thôn Sung Mỹ đi về phía tây đến nguồn Tinh Sơn, dài hơn 14 dặm.

-Một giải bờ biển từ tán Đại Ấp đối ngang bến đò thôn Phú Xuân chạy dài về phía nam đến xã Định Phước giáp giới tỉnh Quảng Ngãi, dài hơn 15 dặm.

-Một con đường nhỏ từ đường quan lộ ở xã Chiên Đàn đi qua phía tây bắc đến xã Trung An Tân tổng Vinh Quý Trung, dài hơn 4 dặm.

-Một đường nhỏ từ huyện lỵ đi về phía tây nam đến xã Phú Thọ Đông, dài hơn 25 dặm.

-Một đường nhỏ từ huyện lỵ đi về phía tây đến núi Kim Khoáng, dài hơn 61 dặm.

Trong huyện hạt có:

¹ Ngv.: Nùng Thổ di vật 儂土遺物: Chưa rõ tại sao lại chép Nùng Thổ ở đây? (chép nhầm, hay cũng gọi người Chiêm là Nùng Thổ?). Đúng ra ở đây nói về hai ngôi tháp cổ của người Chiêm Thành xưa. ĐNNTC (Quảng Nam) cũng có nói đến 2 tháp cổ ở huyện Hà Đông, có ghi tương truyền đây là chỗ táng vợ vua Chiêm Thành.

-Cửa tán Đại Áp: ở bờ tả ngạn có lũy đất (ở địa phận xã An Hoà tổng An Hoà); ở bờ hữu ngạn có lũy đất Phú Xuân (ở địa phận thôn Phú Xuân Hạ tổng Phú Quý Hạ).

-Tán sở ở hai nguồn Chiên Đàn và Tĩnh Sơn.

Tán sở nguồn Chiên Đàn đặt ở thôn Tà My Thượng tổng Tiên Giang.

Tán sở nguồn Tĩnh Sơn ở xã Tĩnh Sơn tổng Đức Hoà.

-Đồn điền Đại An: ở địa phận xã Đại An tổng Tiên Giang (để đề phòng người Man).

-Dịch trạm: có 2 nhà dịch trạm:

Trạm Nam Kỳ: ở địa phận xã Tam Kỳ tổng Chiên Đàn.

Trạm Nam Vân ở địa phận xã Vân Trai tổng Đức Hoà.

廣南省莅臣等欽遵批示編繪圖本進程奏冊

廣南目錄

廣南省	頁一
奠磐府	頁四
延福縣	頁七
濰川縣	頁十三
和榮縣	頁十八
升平府	頁二三
醴陽縣	頁二七
桂山縣	頁三二
河東縣	頁三六

同慶敕製御覽

廣南省

省城在延福縣羅瓜社地分。其城砌磚，周圍通長肆百捌拾壹丈陸尺，高壹丈壹尺貳寸。城身肆角，門肆。濠闊捌丈貳尺，深柒尺貳寸五分。濠外有土堤（遠濠肆周，高五陸尺不等）。省轄東夾大海，西夾連蠻峒，南夾廣義省平山縣界，北夾海雲關乘天府界。東西相距玖拾玖里，南北相距壹百玖拾肆里。

省轄統府貳縣陸：

奠盤府兼理延福縣，統轄濰川、榮和貳縣。

升平府統轄桂山、河東貳縣。

省轄肆拾肆總，該壹千五拾肆社村州坊邑甲族。

現籍人數該五萬貳千陸百拾陸人（由兵民各項。詳見貳府）。

現徵田土該拾叁萬肆千壹百貳拾陸畝陸高壹尺零。

全年丁田稅錢共拾萬柒千五拾陸貫陸陌拾柒文。

全年租粟共捌萬五千貳百肆斛拾玖升零。

全年金稅陸百貳拾貳兩壹錢，折納（每金壹錢值價捌

貫）共錢肆萬玖千柒百陸拾捌貫。

全年紗紬稅壹百貳拾捌疋零。

全年熟鐵稅捌千捌百捌拾斤。

全年銀稅陸百兩（由明鄉社）。

風俗

大抵紳士稍重仁義而豪俠多尚氣勢。其民則上游常業柴炭，沿海常業魚商。餘皆耕織栽植，專業農桑。工匠雜藝十惟一二，亦所居之地然也。俗儉而多野居。簡而多寡文。至如昏娶喪祭（冠禮闕）祈報宴會雖因其俗，頗存禮意。陸縣大都如此。

物產

百穀桑絮蔬菜魚蝦地所常產也。其尤則河東金砂，延福錦石。和榮之燕窩蜂蜜，河東之孔雀桂皮。南珍則出於桂山、濰川，蒼蘿則出於和榮延福。其餘黃臘、速香、砂仁、煙藥與夫紗紬、厚帛及²⁸陶器、熟鐵、蜂石、蚌殼、沙糖、橄欖、木炭、麻皮、水油、火油、粗鹽、粗密、花蓆、白蓆、水藤、龍藤出於陸縣者，有無不一，多寡不齊，皆其所產與所業耳。

氣候

氣候與承天同。惟夏月之熱較勝，冬月之寒較遜。玖拾等月間有颶風。

山水

省轄之山亦多。舉其有明者則和榮之海雲、定海、石嶺禦島，延福之五行、茶山，濰川桂山之艚山，河東之主山。省轄之水舉其大者則和榮之俱低江，延福之錦荔，永

莫、柴江，³⁸桂山之養真江，河東之叁岐、安津（俗名灣板江），濰川之磐石茶饒江。

名勝

五行山景之勝。詳見延福縣繪編。

路程

一條陸路北自海雲關，南夾廣義省平山縣界，相距壹百玖拾肆里。

一條海程北自海雲汛，南夾廣義省菜芹汛。舟行順便者貳日。

奠磐府

府轄屬省城之西。兼理延福縣。統轄濰川、和榮貳縣。莅所在延福縣安仁中總駒駢社地分。府堂瓦蓋（參間貳廈）。肆圍植竹爲籬。前門壹。東夾海濱（和榮縣地分），西夾連山蠻峒，南夾濰川縣新美東村（夾桂山界），北夾海雲關（和榮縣地分）。東西相距玖拾玖里，南北相距柒拾五里。

兼理延福縣拾總：

富美村	美和總	多和總	大安總
安泰總	富霑總	安留總	安仁總
夏農總	青橘總		

統轄濰川、和榮貳縣拾陸總（內壹總無有地分）
濰川縣玖總：

安禮總 東安總 富美總 懋和總
安樂總 順安總 美溪總 新安總
和美總

和榮縣柒總：

平泰總 福祥總 德和總 安洲總
和安總 清洲總 富溪總（由無有地分）

46 府轄參縣貳拾陸總，該五百叁拾貳社村洲坊邑。

一現籍人數該貳萬肆千捌百柒人。

職色、試差、免差各項陸千捌百叁拾壹人

內揀兵肆千貳百陸拾肆人

內揀匠玖拾貳人

免徭壹千肆拾柒人

正納壹萬陸千肆百拾叁人。

黎後拾肆人

別納五百貳人

一現徵田土陸萬柒千肆百柒拾畝肆高拾尺伍寸陸分
壹厘

55 全年丁田稅錢共五萬玖千五百捌拾肆貫柒陌肆文

全年租粟數叁萬陸千玖百玖斛五升叁合陸抄壹撮

全年稅銀陸百拾兩（由別納明鄉社）

全年紗紬稅壹百貳拾捌疋零捌尺

風俗

人多清秀，豪俠，尚氣節。士勤術業，民力農桑。飲食服用多從儉約。以至元旦，端陽，春秋際祀，歲終掃墓，慶吊往來各隨家力，無多浪費。風俗與承天府同。

物產

府轄田疇磽瘠，禾稼欠收。間以蠶桑為生。惟產物菴蘿出於延福、和榮貳縣，南珍出於濰川，燕巢、則藤出於和榮，沙糖、白布、白灰、陶器、錦石、紬帛出於延福，石蟹出於和榮，粗木密炭、煙葉參縣有之。至如蜂蜜、黃蠟、沉香、孔雀、象牙、龍藤、水藤、鐵藤出於俱_子低、魯東、汙渚等源。餘無他產。

氣候

天氣溫燠，晴多蔭少。春夏東南風暑氣盛。秋冬西北風多雨潦。農候夏田拾月稼，叁月收；秋田肆月稼，捌月收；早田五月播，拾月收。各隨地之高下為候之早晚。

名勝

五行山在延福縣化閨、蘿漑東貳社。平沙突起陸峰，嶺地皆石。圍十里許。長江遶其西，大海環其東。壹峰峙立叁差，為三台山。山中有峒，峒中有寺。寂靜空明，眺見蒼表。旁有石乳滴水清

淡。明命拾捌年欽奉⁸賜名三台山爲水山。南貳峰爲陽火山、陰火山。西北壹峰爲金山。北壹峰爲土山。蓋取象命名，各勒山石。此與茶山並稱名勝。存諸山條詳見和榮縣。

大川

大江肆條。壹條自和榮縣俱低源達于俱低海口。壹條自和榮縣魯東源達于沱灑海口。壹條大江自和榮縣汙渌源。壹條大江自桂山縣秋盆源，均注下至延福縣膠水村合流，再分流壹枝自濰川縣麗澤村注下。又壹枝自美和村注下，均至延福縣東安洲東甲合流，達于大占海口。又壹枝自濰川縣茶蕎社注下，經桂山縣界達于大占海口。又壹枝自平隆村注下至叁甲⁹村與永奠河合流。壹枝自駒駝社地分注下，均至沱灑海口。

路程

一條官路南自濰川縣新美東村至北夾和榮縣海雲關，通長貳拾捌里拾玖丈，橫壹丈。
一條小路自府莅之西，夾魯東源蠻峒，長柒拾肆里，橫叁尺。
一條小路自府莅之東，至和榮縣清洲總地分夾海濱，長貳拾五里。
省城與文聖、會同、城隍等廟，社稷、山川、先農等壇，省學堂。沱灑汛有奠海、安海、美市、水旱、藥倉等屯。大占汛有福澤屯。汙渌、魯東、

俱低叁源，南福、南澗、南塢、南真肆站。向上均在府轄地分。

7a

延福縣

奠盤府兼理。縣轄東夾海濱，西夾連山蠻峒，南夾桂山、濰川貳縣地分，北夾和榮縣地分。東西相距玖拾玖里，南北相距貳拾捌里。

縣轄

大安上總貳拾玖村洲：

大安洲	河澄洲	美澤洲	安定洲
河涯洲	福祿洲	大福安洲	東林洲
和美新洲	藍水西洲	魯香西洲	河育東洲
靖安西洲	靖安東洲	河育西洲	永福洲
泡滂新洲	平居村	藍水東洲	泡滂西洲
河葦村	和美中洲	長安村	大福祿洲
承平洲	河育中洲	魯香市洲	魯香東洲
美和中總貳拾捌村洲坊：			
美和村	教愛東甲洲	翠羅洲	施鄰村
上福村	廣化富洲	多禾村	泡淪西洲
泡淪洲	廣化安洲	廣化中洲	教愛中洲
廣化西村	廣化大安洲	廣化東洲	廣化大洲
泡儀西洲	愛美東洲	泡儀東村	平安洲

石步洲 和美村 教愛西洲 愛美西洲
 教安村 膠水村 汎愛洲 寶山洲
 夏農中總貳拾社村坊：

夏農社 鬱壘社 羅瓜社 東胡社
 可封社壹甲村 麴壘社 周封社陸甲村
 蓮池社 珠寶社叁甲村 憑安社

可封社貳甲村 珍珠社肆甲村
 羅壽社 羅登社 羅囊村 東明社
 居正社 愛美村 春唱安西坊

安泰上總貳拾肆社村：

安泰社 石蒲社 澗東社 河清社
 碧簪社 錦燈社 羅芄社 安宅社
 水蒲社 燕泥社 春山社 平福村
 麗山社 朱轡社 樂成社 絳羅社
 錦山社 春風村德冀社 農山社
 朱樓 錦山東社

富姜上總貳拾五洲村甲：

富姜村 南安東村 長祿村 大安東安坊
 丕富西村 營陣西洲 東甲村 安長洲
 盛美村 富貴村 昇平洲 化木洲
 東覆村 龍會洲 殷富洲 玉沙村
 河密洲 東安洲東甲 會城村 東美村
 春臺洲 審嶺東洲 安濟村 東成村
 營陣東洲

安仁中總拾捌社村坊甲：

安仁社 邳涯社 施來社 駒駝社
 春美坊 富洲坊 青龍社 清霑社
 錦鏤社 平安絹坊 芳茶村 安業村
 文東社 安館社 富霑社西甲 福橋村
 富霑社中甲 富霑社東甲

安留下總拾柒社村甲：

安留社 魯澗社 廣陵社 古留社
 新安村 南壽社 視安社 灌漑社西甲
 化閩東社 柏澗社 古閩社 海洲林安社
 新安社 安農社 長福社 美市社
 安海社

富霑下總拾玖社村：

和安社 來儀社 山鋪社 青霞社
 河祿社 河湄社 鋪錦社 會安社
 炎賓社東甲 嘉祿社 安壽社 茶路村
 茶溪村 灌漑社東甲 豐戶社 明鄉社
 海洲村 河榜社 安美社

多和上總貳拾貳社村坊：

多和社 豐黍社 教愛社 資富社東邑
 不貳社台羅村 澄江社 治教村 東番社
 奇藍社 澄江社 不貳社平隆村
 文驪村 審嶺社 鱸魚村 審嶺坊
 石步社 資富社西邑 保安東社 苗芽坊
 翠羅社 玉簪村 不貳社丹田村

保安西社

青橘中總貳拾陸社村甲：

青橘社	廣厚社	平寧社	葑葫社
錦沙社	炎寔社東甲	新幸村	蒲棚社
青秀社	安寺社	仁壽社	豐麗社
松林社	過澗社	苗芄社	明珠社
楊山中安社	錦荔社	光現社	丕平社

96

一現籍人數該壹萬叁千貳百柒拾肆人

職色試差免差各項該叁千叁百捌拾貳員人

內揀兵貳千壹百拾壹人

免徭柒百肆人

別納肆百叁拾柒人（由紗紬戶並明鄉社）

正納捌千柒百肆拾捌人。

黎後叁人

一現徵田土該叁萬叁千壹百五拾陸畝柒高拾叁尺叁分叁厘

內田貳萬叁千柒百陸拾玖畝玖高捌尺零

內土玖千叁百捌拾陸畝捌高肆尺零

全年稅錢叁萬叁百捌拾玖貫貳陌捌文

96

內田土錢壹萬柒千五百肆拾陸貫貳拾捌文

內丁錢壹萬貳千捌百肆拾叁貫

全年租粟壹萬玖千壹百玖拾壹斛拾叁升玖合陸勺陸抄壹撮

全年稅銀陸百拾兩（由別納明鄉社）
全年紗紬稅壹百貳拾捌疋零捌尺

風俗

人多清秀，豪俠，尚氣節。士勤術業，民力農桑。飲食服用多從儉約。以至元旦，端陽，春秋際祀，歲終掃墓，慶吊往來各隨家力，無多浪費。風俗與承天府略同。

物產

本轄屬傍海沿山等總。田疇磽瘠，禾稼欠收。間有蠶桑芋荳瓜^{10a}麥。惟所產豐麗之菴羅玉沙，東福、長祿、富姜東甲之紗紬，青橘、羅壽之白布，升平之厚帛，資富、奇藍、保安、東番之沙糖，樂成、朱轡、絳羅、東胡之粗密，仁壽、苗芄、過澗之牛油，錦泥、燕泥、安宅之木炭，青霞之陶器，和安、春美之白灰，灌溉之錦石，錦荔之煙藥。

氣候

天氣溫燠，晴多陰少。春夏東南風暑氣盛，秋冬北風多雨潦。農候夏田拾月稼叁月收，秋田肆月稼捌月收，早田五月播拾月收，各因地之高下為候之早晚。

山水

茶山在閩關、南壽、新安等社地分。平地突起，巍然高大，雲雨興^{10b}焉。為沱滬海門鎮洋之外。

諸國皆聞其名。

一條大江發源在桂山縣之秋盆、和榮縣之汗渚。

二源之合流，經施鄰汎愛至廣化洲（夾文驪社）分
流。壹自文驪南過富貴、東美、東成、丕富、殷
富、東審、錦鏤、施來、河密、安長。壹自文驪
北過翠羅、資富、豐黍、玉簪、安濟、奇藍、不
貳、憑安、駒駝、昇平、東安，合流為柴江，南
夾灘川之美川、岫嶼、上平社，北夾府轄之青
霑、安仁、文東、富霑、青霞、錦鋪、明鄉、山
鋪、安美等社，及和榮之底綱、福澤、抵大汎
口東安橫渡。水潮深約柒尺零，水退約叁尺肆寸
零不等，廣約貳拾伍丈零。

一條大江發源在魯東，壹支注和榮之翠彎蒲板（現今
通流），壹支注府轄^{12a}之汎愛、泡淪、廣化、富
山、羅洲、豔山（現今沙塞）至安宅、石蒲合流過
燕泥、錦泥、豐麗、錦荔、耐軒、化閨等社，與
永奠河合流，抵茶山澳汎口錦荔橫渡。水潮深約
肆尺零，水退約叁尺零，廣約叁拾丈零。永奠河
明命年間奉聖旨開濬，自駒駝（接大江口）憑安經
羅瓜、鬱壘、叁甲、廣厚、葑葫、錦沙、銀江、
銀溝、銀河、泗溝、視安、灌溉、閩關、松林、
化閨與錦荔江合流。

名勝

五行山在化閨、灌溉東貳社。平沙突起陸峰，頂地

皆石，周圍拾里許。長江遶其西，海環其東。東
壹峰嶺峙叁差，為三台山。山中有峒，峒中有
寺，寂靜空明，眺見蒼表。旁有石乳，滴水清
淡。明命^{12a}年間欽奉名三台山為水山。南壹峰為
木山，西貳峰為陽火山、陰火山，西北壹峰為金
山，北壹峰為土山，蓋取象命名，各勒山石。此
為廣南名勝。

路程

一條官路南夾富姜上總東安洲東甲柴江橫渡，北夾
青橘中總錦荔橫渡，計長貳拾捌里，陸行有半日
程。

一條小路東自富霑下總安美社，夾和榮縣福澤社汎
口，南夾和榮、灘川貳縣轄地分。通長玖拾玖
里。陸行有壹日半路程。舟行自柴江津次至茶山
澳有壹日水路；自安美江分至安恬村有貳日半水
路。

省城及文聖、會同、城隍等廟，社稷、山川、籍田
等壇，安海、美市等屯，省轄學堂，汗渚（蠻稅
屬和榮縣）、南澗站皆在轄內地分。

133

濰川縣

奠盤府統轄。縣莅在美溪總鳳洲西村全畊桑根土壹頃五高中茅廳壹屋，肆面遮以竹籬。前門壹。南夾桂山縣界，北夾延福縣界，東夾海濱，西夾縣轄會客社山分。南北相距捌里柒拾叁丈，東西相距柒拾柒里餘。

縣轄玖總壹百陸拾貳社村洲坊邑甲

美溪總拾玖社村洲甲：

- 美溪新村 美溪舊村 龍福社 鶴算洲
- 和勻洲 美隆村 仁培洲 鳳洲西村
- 鳳洲東村 富寧村 永吏村 茶饒洲東甲
- 河潤洲 新美東村 新美南村 新美西村
- 金蓬洲東甲 金蓬洲中甲 茶饒洲南甲

懋和中總叁拾社村坊：

- 懋和社 瞻山社 美川社東甲 美川社西甲
- 勾廣上坊 富山政社 羅塔西社 香山社
- 富樂社 富巖東社 富巖西社 富善坊
- 富祿社 美祿社 龍珠村 東鄰村
- 雲靄社 茶蕎社 新豐社 安城社
- 嘉靖坊 石磐社 琅珊社 秋盆社
- 岫嶼社 富榮社 富多社 富潤社
- 寶山社 楊牌社

新安總拾捌社村坊：

134

安禮上總貳拾捌社村：

- 新安社 河西社 東山社 竹影社
- 安富社 治安社 福州大村 河平社
- 平安社 忠坊社 申祿社 仁蒸坊
- 福州中村 福州西村 養蒙村 饒東村
- 安睦社 平靜社
- 安禮社 嘉禾村 勝祿社 有貞社
- 立石社 有年社 安西政社 安憑社
- 甘霖社 安美社 長生坊 新美社
- 順安社 玉涇西社 富饒社 新大社
- 會客社 安青社 集福社 安政社
- 玉涇東社 南福社 肆政大安社 肆政農山社
- 福美社 香市社 新福社 椰谷社

安樂下總柒社坊：

- 安樂社 磐石社 安福社 施賚社
- 潮州社 平溪社 永祿坊
- 東安總貳拾社村洲甲：
- 東安洲西甲 馬洲上村 馬洲成村 忠良村
- 施來村 安林村 施來上村 馬洲西村
- 馬洲東村 施來西村 虬磐村 和美村
- 素安村 古塔村 麗澤村 忠美村
- 永貞村 忠泰村 清洲村 南安村
- 富美總貳拾五社村洲邑：
- 富美村 東福洲 東福中洲 覆姜東洲

148

順安總捌村坊：

芳澤東洲	富亨西邑	富亨東邑	鳳鳴洲
東福西洲	順安村	平安村	林安中洲
林安西洲	林安東大洲	福祿村	覆姜村
盛美村	忠安村	覆美村	林安東村
覆安村	講和村	美順洲	安寧村

和美總柒社村：

會安坊	義麗村	富姜坊	美祿村
春安坊	隆平村	(由在河東縣)	富山坊
福鑽村			

安養社	平橋村	(由在桂山縣)	富林村
美祿村	清單村	(由在桂山縣)	治安社
肆政清安村			

一現籍人數該捌千貳百肆拾玖人

職色試差、免差各項貳千五百肆拾捌人

內揀兵、匠壹千陸百拾叁人(內兵壹千五百貳拾

壹人，內堅舟匠陸人)

免徭壹百陸拾肆人

正納五千五百拾貳人

別納五人。

黎後拾人

一現徵田土壹萬玖千肆百拾肆畝玖高拾壹尺叁寸貳分柒厘

15a

內田壹萬肆百柒拾陸畝貳高拾叁尺零
內土捌千五百陸拾捌畝陸高拾叁尺零
全年稅錢貳萬壹百陸拾玖貫玖陌肆拾捌文

內田土錢壹貳千五百捌拾五貫陸陌肆拾捌文
內丁錢柒千五百捌拾肆貫叁陌
全年租粟捌千貳百貳拾五斛貳拾肆升肆勺肆抄柒撮

風俗

轄民凡遇事神奉佛及喪昏等禮莫不隨力致絜，相互幫助。至有慶喜事，其有力者多以歌唱酬神為尚。此其大概也。安禮、富美、東安叁總屬上游，懋和總屬中游，均以農桑為業。安樂總屬^{15b}下游，間有造船行商。順安、美溪、和每叁總田土希少，叁以商買生理。新安總地濱大海，漁釣為業。至如好尚文學，服用節儉諸總略同。間有從天主教之東安、瞻山、玉涇東、西美川、東茶蕎等五社村洲

物產

全轄旱，秋禾少，夏禾多。獲後多植芋豆、黃麥、西瓜。間有安禮總之新大、會客、有貞叁社山分，物產南珍其味稍甘，其質稍白。全年例有茶進。懋和之水油，麗澤、虬磐之粗密，安禮總之猛火油堪供和買。其餘物產與鄰轄同。

氣候

16a

正、貳月常有東北風，晴多雨少。氣常溫燠、肆月南風起，氣熱。幸得雨降農乃播穀（旱田、秋田）。柒月南風薰暑氣盛。捌月多北風，暑退雨潤。玖、拾月北風盛發，常被水潦。拾壹、拾貳月多西北風，晴霽無雪。夏禾遍播。地勢多川。下畔近海，其潮汐候與他縣同。惟上游之民每至柒、捌月多發虐症，至來春方解。

山水

縣轄無有名山。惟西南接夾艚山腳下。餘皆柴炭低山。

一條大江自桂山縣廣大上總忠安村注下，橫對嘉和、廣大貳社，注下至奠盤府界柴津渡。長玖拾叁里拾玖丈五尺，橫貳拾玖，深叁肆尺不等。

一條自縣轄會客社將頭注下至茶喬、美川、西橫對注下至昇平府茶路江，長壹百叁拾柒里餘，橫肆拾五丈上下，深五陸尺不等。

名勝

縣轄無有名勝。惟有永延兩尊陵在懋和中總瞻山社之東西兩山麓下。高阜環抱。左邊小溪流入前堂，泡水潄聚。右邊竇水，石砌。景色聳秀。其南又有永安寺，中間設佛像。左右貳間，奉設尊陵神御祀。景致幽寂。

路程

一條官路自新美江渡經南福站至柴江津渡，夾奠盤府界，長捌里柒拾叁丈。

一條小路自縣莅之南，夾桂山縣，北夾延福縣，南北相距捌里餘。

一條小路東夾海濱，西夾縣轄會客社。東西相距柒拾柒里餘。

南福壹站在轄內地分。

18a

和榮縣

奠盤府統轄也。沙礫林麓之地，拾居五陸。莅所原在平泰下總化閨中西社地分。嗣德拾肆年因有軍次築屯縣轄宜安社地分，事解，奉移縣莅于此土。方貳畝陸高零。內構茅廳壹屋叁間兩廈，前門壹。縣界東至大海，西夾連山錦，荔江界其南，海雲關限其北。東西相距柒拾陸里拾五丈零，南北相距叁拾玖里零叁拾丈。

縣轄柒總該壹百肆拾貳社村坊
和安上總叁拾壹社村：

- | | | | |
|-----|-------|-----|-----|
| 長定社 | 扶南上下社 | 南安社 | 和安社 |
| 和美村 | 會安上社 | 忠義社 | 祿美社 |

福祥上總該貳拾五社村：

富祿社	關南社	福履社	雲陽社
多福社	新寧社	青山社	盛安社
忠山社	和美社	安美東社	仁和社
安美西社	忠安社	松山社	安義中社
享福社	寶山社	祿和社	東山社
永福社	美山社	麗美社	

18b

德和上總該貳拾叁社村：

宜安社	東福社	福祥社	駝山社
慶山社	富上社	富下社	高山社
會域社	楊山社楊藍村		藍園村
福順社	大羅社	福仁村	居仁村
海洲社	羅洲社	富山社	溪林社
富上村	福泰社	安新社	東富社
檣槎村	延山村		

安洲上總該貳拾肆社村坊：

安美下社	積富社	羅帶社	禾勻社
愛義社	安懷社	德和社	汎愛社
大安社	大利社	滂澤社	富香社
弘福社	河滇社	竹河社	忠道社
茂林社	安盛社	安美上社	隆富社
僊山西社	芳泰社	僊山東社	

富和社	翠巒社
瑤池村	寧安社
新安社	姜美社

19a

清洲總該拾叁社村甲：

安洲社	安洲村	福榮村	福州社
福姜社	仝門坊	福厚社	福興社
東碧社	竹泡社	春祿社	香藍社
富溪總該五坊村：			
大江坊	富江坊	河育村	美安坊
安山坊			

平泰下總該貳拾壹社村：

清洲社東甲	清洲社南甲	清洲社西甲	大安社
河廣社	美溪社	河溪社	壬社
底網社	富才社	福澤社	奇羅社
新合坊			

961

一現籍人數該叁千貳百捌拾肆人

職色試差免差各項玖二壹人
 免徭壹百柒拾玖人
 正納貳千壹百肆拾叁人
 別納燕戶陸拾人
 黎後壹人

一現徵田土壹萬五千貳百陸拾捌畝柒高壹尺貳寸壹

厘

內田壹萬叁千五百捌畝貳高拾尺零

內土壹千柒百陸拾畝肆高五尺零

全年稅錢玖千貳拾五貫陸陌肆拾捌文

內田土錢五千玖百捌拾玖貫貳陌拾捌文

內丁錢叁千叁拾陸貫肆陌叁拾文

全年租粟玖千肆百玖拾壹斛拾玖升貳合玖勺五抄貳

撮

風俗

20a

地瘠民貧，服用儉嗇。士數遜於鄰轄，而進士、舉人、秀才間亦有之。社村坊均有亭寺。歲以捌月會祭在亭，謂之祈神。歲以元季會供於寺，謂之奉佛。端陽則祭於家（俗啞夢魘）。拾貳月會族修掃先人墳墓。除夕則肴饌家鋪，礮聲戶震，仍各上標于門首，謂之節日迎先祖。元旦以後，日常設祭，潔以衣服互相往來，謂之賀新年。如此者叁日而罷。喪昏等禮亦各隨家力。但昏禮則入贅者多，而親迎者少。至如遇有慶喜事，有力者或于鄉亭，或于私家，必具牲醢，結草棚舞優人以娛神，謂之完願。此其大同也。上游之德和總丁田稍稠，樵採農圃叁錯爲生，其俗微尚爭競。富溪總無有地分。其民散寓在各社村，專以與汗渚源各册蠻丁互相貿易。福

祥、安洲、和安叁總民社近依林麓^{20b}習尚質朴，

因其農隙多以柴炭爲生。平泰、清洲貳總地加海濱○者多，農桑者少。全從天主教者，安義、松山、富上叁社村。至如南安、會安、富下、和美、寶山、大羅、石岩、仝門、安美東等社村間亦有之。

物產

夏早務禾多，秋務禾少。蠶桑之利尤少。菜菓芋豆之產可供食用。此通出于全轄者然也。至如化閩之石蟹，新合之燕巢，福興、福順、翠巒之菴蘿菓，多福、春詔之澤藤，愛義、羅帶、積富、安美之粗密，扶南、松山、富上、會安之南茶，宜安、東福、平泰之煙葉，此出于地分之專有者然也。他如蜂蜜、黃蠟、水藤、龍藤，橄欖、速香、孔雀等項則又散于俱低、魯東、汗渚等源土蠻之產出者也。

氣候

21a

天氣則春多晴，夏多暑，秋多雨，東多寒。地氣則高燥宜黍，卑濕宜稻。夏務則捌月下秧拾月下稼叁月而穫。秋務則叁月下秧五月下稼玖月穫。其氣候之遲速，農事之早晚大率與鄰轄同。惟上游等總居近山林，苦爲嵐瘴所窘，遞年至柒捌月發瘧症，至來年叁月後漸解。循環牽連古來皆如此。

山水

占嶼則峙于東南，禦島則峙于東北。正北則有海雲

及蒲姑、趕蓮等山。正西則疊重連山及茶鷄山、景化山，連以春山、福祥山、扶南山。

貳條大江，內一條自俱低源（縣之西界），橫五丈，深叁尺五寸零。其下流至俱低汎²¹⁶口，長叁拾里零貳拾貳丈，橫五拾柒丈五尺，深五尺五寸零。內一條自魯東源（縣之西界），橫叁丈壹尺，深壹尺柒寸零，下流至沱瀑汎口，長貳拾壹里零玖丈，橫叁拾陸丈捌尺，深壹丈柒尺零。

名勝

由本縣無有名勝。

路程

壹條官路自海雲關至錦荔津次，通長叁拾玖里零叁拾丈，橫壹丈。

小路肆條內壹條自縣莅至沱瀑，長肆里壹百拾捌丈，橫柒尺零。內壹條²²⁸條自魯東源至縣莅，長貳拾壹里零拾陸丈，橫肆尺零。內壹條自汎愛社至縣莅，長拾捌里零捌拾陸丈，橫五尺零。內壹條自俱低源至縣莅，長拾里零柒拾陸丈，橫叁尺零。

三座廟，與奠海、水旱、福澤、藥倉、輸川等屯，大占、沱瀑汎所及魯東、俱低貳源守所，海防署公館，貯粟暫倉，南塢、南真貳站皆在轄內地分。

23a

升平府

府轄兼理醴陽縣，統轄桂山、河東貳縣。莅所在富美中總荷藍社地分。府堂瓦蓋。（叁間貳廈），肆圍植竹爲籬。前門壹，東夾海，西夾山分，南夾廣義省平山縣界，北夾灘川縣界。東西相距捌拾玖里餘丈，南北相距壹百拾玖里餘丈。

兼理醴陽縣柒總：

東安上總 越安上總 周德中總 富美中總

興盛下總 安泰中總 安盛下總

統轄桂山、河東貳縣，該拾壹總

桂山縣該五總：

廣安上總 順安中總 春富中總 安美總

玉山總

河東縣該陸總：

僊江上總 德和中總 榮貴中總 旃檀中總

安和總 富貴下總

府轄叁縣拾捌總該五百貳拾貳社村坊邑族現籍人數垓貳萬柒千捌百柒拾玖人

職色試差免差各項該陸千陸百捌拾肆人

內揀兵該肆千叁百捌拾五人

內堅舟匠局該肆百陸拾人

免徭各項該貳百陸拾人

正納各項該壹萬柒千貳百捌拾五人

248

別納金稅該叁千叁百叁拾壹人

別納熟鐵稅該叁百拾貳人

別納燕戶壹人

黎後陸人

一現徵田土該陸萬陸千陸百五拾陸畝壹高陸尺叁寸

肆分玖厘

全年丁田稅錢肆萬柒千肆百柒拾壹貫玖陌叁文

全年租粟肆萬捌千貳百玖拾五斛拾肆升貳合捌勺肆

抄叁撮

全年金稅陸百貳拾貳兩壹錢，（折納每金壹錢值價捌

貫）該錢肆萬玖千柒百陸拾捌貫

全年燕鐵稅捌千捌百捌拾斤

風俗

民風淳樸，耕植稍勤。河東多近山林，與蠻貿易。沿海造船商，亦有攻魚爲業。桂山力本居多，逐末者少。惟叁縣轄殘桑無幾²⁴⁹工藝粗疏。奉佛祈神歌筵慶賀昏喪祭祀豐儉隨宜。惟醴陽縣間從道民者拾壹社村（壽山、附安、山平、安政、安長、錦縷、資正、仙朵、雲朵、東同、泰青、驪安、和東），桂山縣之富強社數人而已。

物產

夏和拾月稼叁月穫，秋禾五月稼捌月穫，早禾肆五月播拾月穫。穀麥、蔬菜、煙藥、砂仁等物諸轄皆

氣候

有。惟桂皮、熟鐵出於桂山、邵東貳縣，南珍、猛火油出於桂山，蚌殼、花席出於醴陽，粗鹽、鹹水、蜂石、白眼菓出於河東。其餘與他縣同。

春務天氣溫和，晴多雨少。夏務南風盛發，暑烈薰蒸。秋務北風²⁵⁰起，寒甚，多雨潦，間或颶風。冬務北風長送，陰氣大寒，雨降霏霏。此其大概也。其氣候與他縣同。

名勝

轄內醴陽之有方池鼓井，桂山之有湯池，河東之有靈廟貳所，古塔貳所石甯壹頭。

山水

轄內醴陽之有嶽紂山、荆山、落山、壇壇山、籠山，桂山之有九峰、椅桑、乳山、珠山、巖山、連主山、鍾山、桐山、倉山、戊山、樽山、土山、霸山，河東之有主山、金礦山、鐵礦山、邪眉山、盤炭山、龜背山、芄苗山，餘皆柴炭低山耳（其餘詳見諸縣）。

一條江（瑒江）南夾廣義省平山縣山分，而北縈迴流過河東、醴陽貳轄直放至桂山縣界，末夾灘川縣界，共壹百柒拾里餘丈。

一條江（俗名橫江）南自河東縣轄青竹村山，中流過中山平安社合襟，長五拾玖里餘丈，橫貳丈肆

路程

尺，或有所叁丈，廣狹不齊，深壹尺上下不等。
 一條自大占汎口而南過河東縣轄大壓、小壓汎口，
 至安和總芳津社津渡，共壹百里餘（其餘詳見諸
 縣）。

一條官路北夾濰川縣界，南夾廣義省平山縣木牌界
 限，共壹百拾玖里餘丈。

一汎源屯堡捌所…大壓汎口、旃檀源、靜山源、秋
 盆源、安良屯、大安屯田、安和土堡、富春土
 堡。

一站舍叁所…南玉站、南岐站、南雲站。

27a

醴陽縣

升平府兼理。縣轄東夾海岸各社，屬濰川縣，西夾山
 分各社，夾桂山縣，南夾河東縣界，北夾桂山縣
 界。東西相距長捌拾玖里餘丈，南北相距長拾捌里
 餘丈。

縣轄柒總該壹百玖拾壹社村坊：
 東安上總該拾陸社村坊：

- | | | | |
|-------|-----|-----|-----|
| 東安社 | 忠愛村 | 化閨村 | 錦繡社 |
| 福和平安村 | 福和社 | 富鑽社 | 安榮社 |
| 安林社 | 裁成社 | 富有村 | 富仁村 |

越安上總該叁拾社村：

- | | | | |
|-------|------|-------|-------|
| 定管村 | 富瑞社 | 那山坊 | 美潭坊 |
| 越安社 | 延祿社 | 大祿社 | 賢祿社 |
| 平山社 | 祿山東社 | 祿山西社 | 同德社 |
| 榮輝社 | 奠安社 | 藍山社 | 錦羅村 |
| 高岸村 | 祿安社 | 會祥社 | 玉林社 |
| 玉政村 | 和祿社 | 大壯社 | 富榮社東甲 |
| 富榮社西甲 | 錦安荖村 | 錦安西村 | 富林社 |
| 忠林社 | 富長社 | 肆政香林社 | 香圃村 |
| 安壯社 | 羅俄社 | | |

周德中總該貳拾玖社村：

- | | | | |
|------|------|------|------|
| 周德社 | 儒林社 | 儒林西社 | 春泰社 |
| 春山東社 | 興祿社 | 東箭社 | 春安下社 |
| 安長社 | 壽山社 | 同苓社 | 福崗社 |
| 福河社 | 德安社 | 安里社 | 嘉會社 |
| 成安社 | 大治社 | 青燈社 | 富隆社 |
| 安舍東社 | 安舍西社 | 美和社 | 平春社 |
| 青山社 | 安林社 | 桐楊社 | 大安政社 |
| 茶萊社 | | | |

富美中總該叁拾叁社村族：

- | | | | |
|-----|-----|-----|-------|
| 富美社 | 荷藍社 | 青驪社 | 盛美社 |
| 柳池社 | 資正社 | 漆園社 | 鐘福村 |
| 福善村 | 福成社 | 春美社 | 春安社 |
| 壽安村 | 新盛村 | 同泰社 | 富崗社 |
| 茶瑩村 | 香芷社 | 基平社 | 平安社西甲 |

288

安平社 玉安社 平安政社 安合社
 平祿社 茶山下社 錦鏤社 福盛社
 安義社 玉鋪社 長安社 羅密村
 新立安泰族

安泰中總該叁拾柒社村坊：

安泰社 迪泰社 茶龍社 薊川社
 遵義社 鋪市社 富春社 茶山社
 承教村 桐檻新村 肆政安山村 文安社
 石津社 遵美西村 平豐社 北林社
 西美社 富和社 富隆村 安和東社
 東美社 安會社 安大社 附安山村
 嘉福社 鳳鸞社 安和西街 鳳山東社
 鳳山西社 長福社 慶安社 遵養社
 榮秀社 永安坊 春唱新安坊 富春坊
 安美社

興盛下總貳拾肆社村坊：

興盛社 興盛東社 僊美社 僊朵社
 僊洲村 僊溪村 安石社 西江社
 古苓村 東作社 游義社 美剛村
 永福坊 新安坊 廣富社 奇珍社
 桐池村 新舍社 僊朵延安村 僊朵延福村
 雲朵東社 雲朵西社 肆政安河社 富盛村
 安盛下總該貳拾肆社村坊邑族：
 安盛社 茶朵社 駱駒社 安良社

289

茶路村 奇山社 相安社 秀園社
 登良社 富山坊 安東坊 平中社
 沿翠村 安教村 沿翠族 附安東坊
 盛美村 春安族 芳池邑 新民坊
 安富坊 福林社

一現籍人數該玖千肆百陸拾玖人

職色試差免差各項該貳千叁百捌拾肆

內揀兵壹千捌百拾貳人

內揀匠叁人(由堅舟)

免徭各項該柒拾柒人

正納各項該柒千柒人

黎後壯項壹人

一現徵田土該貳萬肆千捌百壹畝柒高拾叁尺肆寸壹

分捌釐

內田貳萬貳千玖百叁拾肆畝捌高陸尺壹寸壹

分捌釐

內土壹千捌百拾陸畝玖高柒尺叁寸

全年稅錢壹萬柒千捌百拾叁貫壹陌肆拾叁文

內田土錢捌千玖百叁拾五貫壹陌拾叁文

全年租粟壹萬捌千柒百拾玖斛拾捌升捌合壹勺五抄

肆撮

風俗

縣轄民風醇樸，好尚文雅，以耕植爲業，商賈亦間有

之。婚喪從儉。惟遞年奉佛者少，事神者多。凡有祈安慶喜設置歌筵，往來酬酢。惟間從道民有壽山、附安山、平安政、安長、錦縷、資正、僊朵、雲朵東、同泰、青驪、安和東該拾壹社村。

物產

296

縣轄夏秋早叁務（夏務拾月稼叁月穫；秋務五月稼捌月穫；早務肆、五月播拾月穫）。續綻、芋荳、甘蔗、麻、麥隨地所宜。惟東安、越安貳總有砂仁、麻皮，奇山、相安、秀園叁社業織花席、白席，茶朵社江分產有蚌殼。

氣候

正、貳月冬風來，叁、肆月雨少晴多，五、陸、柒等月南風盛發，酷暑炎熱。捌、玖、拾等月東北風吹，雨潦漲溢。拾壹、拾貳月細雨多寒，與他縣同。

山水

縣轄有嶽紂山屬越安總羅俄、榮輝貳社地分。其山更高於群山。與荆山、落山屬越安總越安社地分。壇壇山在越安總會祥³⁰⁵社地分。籠山在東安總那山坊地分。餘皆柴炭低山耳。

一條大江自大占汎口經過茶路、駱駒、雲朵、奇珍該肆社村而東，夾河東縣江分，長叁拾肆里餘丈，橫拾陸丈壹尺餘。水潮深貳丈上下，水夕深

壹丈柒尺上下。

一條小江自同苓村山腳注下至薊川社，經過官路（由公作樑橋）而流于安泰社江分，合與大江壹派，長拾玖里餘丈，橫叁丈上下，深壹丈上下。

一條大江南自河東縣界永安西社，西北流過那山、美潭、東安叁社，放于福山社，長五拾里餘丈，橫拾丈上下，深貳丈上下。

一條大江（俗名橫江）南自河東縣界青孟社，西北流過裁成社，至安林、³⁰⁶安榮、富鑽等社，合淨江，長叁拾貳里餘，橫叁丈上下，深壹丈上下。

一條小江（俗名芙江）源頭在嶽紂山腳，自玉林社流注于西北，經過越安、會祥至東安社合與大江壹派，長貳拾壹里餘丈，橫貳丈上下，深叁尺上下。

名勝

方池（在春山東社地分。肆面土高其中積水，雖遇盛暑不竭）。

鼓井（在茶朵社地分。東、南、北均白沙稍高，雖有風雨撞打不能壅塞。西接大江，雖有鹹水亦不能制。此井之水頗甘。南北諸船出入皆就取水）。

路程

一條官路北自桂山縣界白沙而南，至河東縣和美社，長貳拾捌里餘丈，橫壹丈餘。

31a

一條小路自縣莅而東北，逕荷藍社至柳池社地分，夾官路，長壹里餘丈。

一條小路自縣莅而西，逕過同泰、富崗、春美、美和、新盛、春山東、桐楊、儒林、春泰、祿山、平山、賢祿、越安至于東安社江分津渡，長五拾柒里餘丈，橫叁尺餘。

一條小路自縣莅而南，逕過荷藍、茶瑩、福成、青山、平安西、青燈、安長、福河、福崗、同苓、香林、富長等社村，夾河東縣界錦衣社，長貳拾伍里餘丈，橫五尺餘。

一條小路自縣莅而東南，過荷藍社，夾官路，長貳里餘丈，橫叁尺。

一條小路自越安社小路而西南至于那山坊籠山，長貳拾陸里餘丈，橫五尺餘。

安良屯一所，橫對大占汎口，其在安盛總安良社地分。

縣轄有南玉站，在富美總玉鋪社地分。

32a

桂山縣

升平府統轄。縣莅在春富中總香祿社。肆面芽籬，每面陸丈，通成貳拾肆丈。前門壹。東至海，夾醴陽、灘川貳縣轄界，西夾秋盆源蠻冊，南夾醴陽縣界，北夾灘川縣界。東西相距陸拾肆里餘丈，南北相距拾肆里餘丈。

縣轄五總該壹百捌社村坊
春富中總該叁拾貳社村：

- | | | | |
|-------------|-------|-------|-------|
| 春富社 | 養真社 | 蒙嶺社 | 富澤社 |
| 蒙藝社 | 香爐社 | 石溪社 | 富春西社 |
| 富泰社 | 福祉社 | 茶亭社 | 香安社 |
| 安壯社 | 慶德社 | 德教村 | 山陽社 |
| 福德社 | 福寧社 | 春富南社 | 同城社 |
| 福山上社 | 政西社 | 城安社 | 豐登社 |
| 香桂社 | 春富東社 | 富強社 | 香福社 |
| 安春社 | 富庄村 | 香祿社 | 和美社 |
| 廣大上總該貳拾捌社村： | | | |
| 廣大社 | 肆政新安社 | 大豐社 | 慶平村 |
| 春香社 | 庄田社 | 肆政東福村 | 肆政忠安社 |
| 肆政乳山村 | 石碧社 | 肆政春安村 | 大平社 |
| 福會社 | 肆政富嘉社 | 忠福村 | 忠安政社 |
| 福平社 | 忠祿西社 | 肆政平安社 | 忠福社 |
| 壽林社 | 登春社 | 富順社 | 慶雲東社 |

忠祿東社 忠安村 汙瀨社 青單村

順安中總該貳拾陸社村：

順安社 梧崗東社 嘉祿上社 嶺安社

勝山東社 春安上社 新安村 嘉祿中社

嘉祿大社 磐石上社 嘉葛社 福隆社

梧崗西社 富平社 富穀社 茶山上社

安山村 安強社 勝山西社 平和社

福山社 珠山社 香閨村 涸澤村

武舍社 安西社

安美總該拾壹社村坊：

安美坊 錦山社 安祿坊 延平村

富庶上社 富庶下社 美流村 大壯村

宜祿上社 宜祿中社 宜祿下社

玉山總該拾壹社村坊：

玉山社 桐檻社 香安社 石津社

福祿坊 席安東社 東安坊 席安坊

席安中坊 青茶村 上平村

一現籍人數該玖千叁百拾人

職色試差免差各項該貳千陸百叁拾陸人

內揀兵壹千叁百玖拾捌人

內揀匠叁百五拾肆人（由堅舟）

免徭各項該壹百拾貳人

正納各項該陸千叁百玖人

別納熟鐵貳百五拾人

別納燕戶壹人
黎後貳人

一現徵田土數該壹萬柒千肆百柒拾肆畝五高拾肆尺

柒寸捌分叁釐

內田壹萬五千壹百捌拾貳畝五高一尺柒寸捌

分叁釐

內土貳千貳百玖拾貳畝拾叁尺

全年稅錢壹萬五千陸百貳拾陸貫肆陌叁拾五文

內田土錢柒千壹百貳拾柒貫肆陌叁拾五文

內丁錢捌千肆百玖拾玖貫

全年燕鐵稅柒千壹百柒拾斤

全年租粟壹萬貳千貳百拾斛拾捌升貳合柒勺叁抄

風俗

士庶衣服不事奢麗。婚喪祭祀隨家有無。間有好尚歌唱。就竟335力本居多，逐末者少。此其大概也。從道民，富強社數人而已。

物產

縣轄所產夏秋早禾（夏務拾月稼參月穫，秋務五月稼捌月穫，早務肆、五月播，拾月穫）。南珍、桂皮、煙藥葉（屬於秋盆源）頗係為佳。大壯村有砂仁、草仁。安春、忠祿貳社有鐵礦。忠福、宜祿中貳社有猛火油。春富中總間有粗密。其餘芋荳、麻皮之類與諸轄同。

氣候

正月寒氣退，冬風來。貳、叁月雨少晴多。肆、五、陸等月南風薰烈，暑氣炎熱。捌、玖、拾等月北風盛發，或有暴風雨潦。拾壹、拾貳月寒氣淒涼。巋山、連主山辰起寒風，諸澗或聞鳴聲，則是日山岫出雲，四傍多有雨降。

山水

縣轄有名山者，香桂有玖峰，忠福有倚桑，珠山有珠山，嘉祿大有巋山，連主山，安西有桐山，福山有倉山，香福有戊山，富穀有樽山，肆政、乳山有乳山，養真有土山，玉山有霸山。餘皆柴炭低山耳。

一條大江（俗名淨江）自富仁村（屬醴陽縣）西流至屬轄平和、福山貳社，直至忠福社地分注下，北流至養真社津渡，夾灘川縣新美東村江分，長五拾柒里餘丈，橫柒丈，深叁尺上下。

一條小江自嘉葛、福隆貳社地分，注下至富強、石溪貳社，直至³⁵⁵茶亭社江分，夾灘川縣安樂社江分，長肆拾柒里餘丈，橫五丈餘，深貳尺上下。

名勝

縣轄無有名勝。惟湯池壹澳（在廣大上總福平社地分）水清且甘，長叁丈，橫壹丈，深叁尺上下，肆辰沸熱依然。秋、冬水面煙多，春、夏則減少。辰或蛙、

蛇投入則死。

路程

一條官路北自養真社津渡夾灘川縣新安東村，南至香安社津渡，夾醴陽縣青驪社，長拾肆里餘丈，橫壹丈餘。

一條小路自縣莅而西南至福山社秋盆源屯所，夾近蠻册，長五³⁵⁶拾玖里餘丈，橫叁尺餘。

一條小路自縣莅而北，夾灘川縣界懋和社，長拾里餘丈，橫貳尺餘。

一條小路自縣莅而東北至官路，直至灘川縣界安樂社，長五里餘丈，橫叁尺餘。

一條小路自屬轄順安總順安社而西北至忠福社地分（夾江分），長叁拾叁里餘丈，橫叁尺餘。

一秋盆源汛所在順安總福山社地分。

36a

河東縣

升平府統轄。縣莅在旃檀中總叁岐社地分。土城方築，每面各長貳拾壹丈五尺，周圍捌拾陸丈，高陸丈，厚肆尺叁寸。肆面濠廣捌尺壹寸，深叁尺餘。衙門砌磚前後各壹。縣堂瓦葺，前堂中立柱旗（高叁丈玖尺）。後右小倉瓦葺五間。東至海，西夾淨江蠻峒，南夾廣義省平山縣界，北夾醴陽縣界。東

西相距玖拾肆里，南北相距柒拾柒里餘。

縣轄陸總該貳百貳拾叁社村坊

僊江上總五拾五社村：

僊江社 平安春社 新安上社東甲

福林社 大安村 長安西村 忠山平安社

始立安山社 新安上社西甲

大安中山社 玉甲社 美安上社

和平村 盛安社 山安村 才多社

富美上社 重林社 秀山社 忠安村

積福社 青林社 德新上村 茂隆社

會安村 青竹村 附安社 香舍社

迪安西村 大安上社 峒俄村 邪眉村

會林社 永寧村 楊和上社 和安新社

楊安社 茂椅村 青杯社 肆政香林村

香林村 祿安村 盛平社 茶姜社

安舍社 新立平安社 桂芳社 盤安社

富盛上社 安和上村 和安新村

德和中總五拾肆社村坊邑：

順安東社 德安村 順安西社 忠檀上村

資安社 富鄰中社 安樓社 富壽東社

春平村 茗山社 富寧社 忠堅村

福利社 富鄰東社 盛利社 丹桂社

福客社 春榮村 德富社 忠檀村

玉牙社 安津邑 茶西村 和美上村

盛和村 盛美中社 長久社 平安內社

37a

榮貴中總肆拾捌社村邑：

慶美社 繡幢社 鋪錦社 平安社

錦鋪社 藍田邑 大同上社 安鑽村

大同西社 祿山社 永寧邑 來格社

富饒社 錦安社 榮安社 慶祿社

四政永安村 樹德村 大同社 忠順社

忠安新社 祿山邑 富美社 平盛社

玉安社 盛德社 新會安祿社 永福社

長城社 繡安村 富貴上社 錦衣社

安壯社 林門社 成美社 新立安山社

錦山社 大同東社 平安文河社 富市社

春祿社東甲 錦龍社 永安西社 錦衣東社

西祿社 錦溪社 春祿社西甲 春祿社

旃檀中總叁拾壹社村：

旃檀社 慶壽社西甲 安美東社 隆山社

安檀東村 長春社 楊檀村 慶壽社東甲

安美西社 安檀西村 富春中甲 丹忠社

姜美社 忠道社

安中社 平安中社 德布村 碧梧村

和雲社 忠正村 靜山社 芄苗村

玉樹村 壽姜社 充美村 鹽埔社

石橋社 富貴大社 唐安社 多寶村

富貴玉甲社 雲齋社 阜財社 沛仁邑

石橋村 春池社 盛美坊 席安西社

安中社 平安中社 德布村 碧梧村

和雲社 忠正村 靜山社 芄苗村

玉樹村 壽姜社 充美村 鹽埔社

石橋社 富貴大社 唐安社 多寶村

富貴玉甲社 雲齋社 阜財社 沛仁邑

石橋村 春池社 盛美坊 席安西社

安中社 平安中社 德布村 碧梧村

和雲社 忠正村 靜山社 芄苗村

玉樹村 壽姜社 充美村 鹽埔社

石橋社 富貴大社 唐安社 多寶村

富貴玉甲社 雲齋社 阜財社 沛仁邑

石橋村 春池社 盛美坊 席安西社

376

安和總貳拾壹社村坊：

忠定村	新安社	春安社	楊林社
叁岐社	和美西社	富宅社	富茶社
芳和社	盛美社	美石社	檀中村
大亨社	久安社	美安村	慶裕社
養安社	玉纓村	新福社	

富貴下總拾肆社村：

安和社	僊菓社	宜春社	富榮社
永大村	鰲津村	茶里東社	茶里西社
和清社中坊	鹽田社	和清社下坊	芳津社
井水社	福祿社	泳江坊	河播村
福川社	平安坊	富貴上村	和清社上坊
永安村			

一現籍人數各項該玖千壹百人

職色試差免差各項該壹千陸百陸拾肆人

內揀兵壹千壹百五人

內堅舟匠壹百叁人

免徭各項該柒拾壹人

正納各項叁千玖百陸拾玖人

383

386

別納金稅叁千叁百叁拾壹人
別納熟鐵陸拾貳人

黎後叁人

一現徵田土該貳萬肆千叁百柒拾玖畝柒高捌尺壹寸肆分捌厘

內田貳萬貳千五百玖拾貳畝五高陸尺叁寸玖分玖厘

內土壹千柒百捌拾柒畝貳高壹尺柒寸肆分玖厘

全年稅錢壹萬肆千叁拾貳貫貳陌五拾五文

內丁錢五千玖拾陸貫叁陌

內田土錢捌千玖百叁拾五貫玖陌五拾五文

全年金稅陸百貳拾貳兩壹錢（折納每金壹錢值錢捌貫）

該錢肆萬玖千柒百陸拾捌貫

全年熟鐵稅壹千柒百拾斤

全年租粟壹萬柒千叁百陸拾五斛叁升壹合玖勺五抄玖撮

風俗

縣轄好尚文雅，農桑爲業。惟近山林者間以柴炭，沿海者專以商漁。事神奉佛，冠昏喪祭豐儉隨宜與鄰轄同。

物產

縣轄地勢廣寬，多近山林，或有虎、狼、犀、象、

麋、鹿、豕、雞、孔雀。夏、秋、旱禾叁務（夏務拾月稼叁月穫，秋務五月稼捌月穫，早務肆、五月播拾月穫）。芋荳隨地所宜。惟僊江上總多植桂木，德和中總多樹南茶。百眼梨出於旃檀總，砂仁出於榮貴總，竹筴在於錦山社，人民編作，粗密出於德和總、富寧、唐安、富³⁰⁵鄰中叁社，粗鹽屬於鹽鹽浦、平安鹽場、富榮叁社，煉生鐵、熟鐵出於富春中社，鹹水則諸社近海為業，惟安和社（俗名磐炭）為勝，粗席出於旃檀、美石貳社編織，蜂石出於旃檀、榮貴、總所產。

氣候

正、貳月常有北風吹，寒山霧出。叁、肆月東風來，雨少晴多。五、陸、柒等月南風盛發，暑熱薰蒸。捌、玖、拾等月北風長起，雨降水潦，間或暴風。拾壹、拾貳月寒氣交盛，細雨霏霏，此其常也。至如地勢近海，潮夕與他轄同。

山水

縣轄其山最多，然皆鄉俗命名，無甚高大。惟主山金礦，邪眉鐵³⁰⁶礦，芄苗、楊檀、磐炭、龜背等山稍為傑出，亦有形勢產物。其餘柴炭低山耳。主山連接蠻冊地分，山形高聳。天將陰晦常有白雪封住，真是一方發脈之祖山。金礦山屬僊江總永宁村地分。邪眉山屬僊江總邪眉村地分，多植桂木。鐵礦山屬德和、旃檀貳總富春中社，人民

徵煉鐵稅。芄苗山屬德和總芄苗村地分。楊檀山屬旃檀總楊檀村地分。貳所均有靈廟。磐炭山屬大壓汛，橫鎮海口，形如一字，在安和總安和社地分。龜背山屬富貴總富春下村地分。

一條江，北夾醴陽縣界，自芳津社而南，至小壓、大壓汛口，長五拾陸里餘丈，橫捌丈陸尺餘。水潮深貳丈壹尺上下，水夕深壹³⁰⁷丈柒尺上下。

一條江，自青竹村山中北流，過中山平安社合襟，至繡安中安新貳村，夾醴陽縣大壯社，長貳拾柒里餘丈，橫貳丈肆尺，或有所叁丈，廣狹不齊，深壹丈上下不等。

一條江，自中正、富壽山中，東流至叁岐江，長叁拾里貳餘丈，橫拾玖丈餘。水潮深壹丈叁尺上下，水夕深壹丈壹尺上下。

一條江，自靜山源中，東流過安津邑，至大壓汛口，長五拾叁里餘丈，橫叁丈壹尺，深壹丈貳尺上下。

一條江，自石橋、德布貳村山中，東北流過保福津渡，縈迴而東，至大壓汛口，長陸拾貳里拾柒丈餘，橫五丈。水潮深壹丈貳尺，⁴⁰⁹水夕深玖尺上下。

一條江，自錦安社山中，東流過和美橋，縈迴過縣莅前東南注大壓汛口，長捌拾柒里捌拾柒丈餘，橫貳丈餘。水潮深玖尺上下，水夕深柒尺上下。

一條江，自芄苗村山中，西北流過忠山、平安社合

襟，長拾壹里拾捌丈餘，橫壹丈貳尺，深陸尺餘。

一條江（俗名椅江），南夾廣義省平山縣界山分而北至醴陽縣界美潭坊，長捌拾柒里壹百拾陸丈餘，橫貳丈叁尺上下，有所壹丈捌尺，深玖尺上下，有所肆尺（由江心有大小石或紗土）。

一條江，自沛仁邑山中，北流至僊菓、永大貳村，長拾肆里貳拾壹丈餘，橫壹丈肆尺。水潮深壹丈餘，水夕深捌尺上下。

名勝

縣轄有靈廟貳所（瓦葺）在楊檀、芄苗貳村地分。原前金民春首會祭，然後遍尋汰金，至茲尚存祭祀。

一古塔貳所，原儂土遺物。

一所在榮貴總繡幢社地分

一所在德和總姜美社地分

一石霓壹頭，其在榮故總繡幢社地分，原儂土遺物。

路程

一條官路自繡幢社夾醴陽縣界而南，過南岐、南雲至和雲社，夾^{41b}廣義省平山縣木牌界限，長柒拾柒里餘丈。

一條小路自縣莅而西，逕過旃檀源至大安屯田，長五拾玖里拾陸丈餘。

一條小路自充美村官路而西，至靜山山源，長拾肆里餘。

一條海岸自大壓汎橫對富春村津渡而南至定福社，夾廣義省界，長拾五里餘。

一條小路自旃檀官路過西北至榮貴中總忠安新社，長肆里餘。

一條小路自縣莅西南至富壽東社，長貳拾五里餘。

一條小路自縣莅而西至金礦山，長陸拾壹里餘。

縣莅有大壓汎口，左岸設築上堡（在安和總安和社地分），右岸設築富春土堡^{42a}（在富貴下總富春下村地分）。

縣莅旃檀、靜山貳源汎所（旃檀源在僊江總邪眉上村，靜山源在德和總靜山社），大安屯田（在僊江總大安社地分）防蠻。

縣莅站舍貳所。南岐站在旃檀總叁岐社地分，南雲站在德和總雲齋社地分。

